

nanoco



MANG GIÓ **THIÊN NHIÊN** VỀ TỔ ẤM



BẢNG GIÁ
Price list 04/2020

Panasonic



www.nanoco.com.vn

info@nanoco.com.vn

fb.com/nanoco.com.vn



Bề mặt mượt mà
Chất liệu cải tiến bóng mịn mượt mà.

Tổng quan thiết kế
Tạo sự đồng bộ hài hòa đẹp mắt với không gian của ngôi nhà.

Hài hòa không gian
Thiết kế góc cạnh mượt mắt.

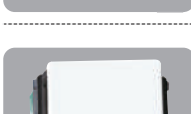
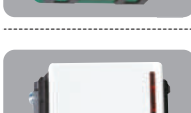
Góc đảo chiều. Bật/Tắt nhỏ
Thiết kế giúp công tắc thanh mảnh thích nghi với toàn bộ ngôi nhà.



	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	105.000	WMT501MYZ-VN	115.000	WMT501MYH-VN	115.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	129.000	WMT502MYZ-VN	139.000	WMT502MYH-VN	139.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	365.000	WMT594MYZ-VN	395.000	WMT594MYH-VN	395.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	165.000	WMT503MYZ-VN	175.000	WMT503MYH-VN	175.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	199.000	WMT504MYZ-VN	209.000	WMT504MYH-VN	209.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	699.000	WMT596MYZ-VN	759.000	WMT596MYH-VN	759.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	225.000	WMT505MYZ-VN	245.000	WMT505MYH-VN	245.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	239.000	WMT506MYZ-VN	259.000	WMT506MYH-VN	259.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 16A Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	365.000	WMT507MYZ-VN	395.000	WMT507MYH-VN	395.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 16A Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	439.000	WMT508MYZ-VN	469.000	WMT508MYH-VN	469.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	65.000	WMT7811MYZ-VN	85.000	WMT7811MYH-VN	85.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	65.000	WMT7812MYZ-VN	85.000	WMT7812MYH-VN	85.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	65.000	WMT7813MYZ-VN	85.000	WMT7813MYH-VN	85.000
	Mặt kín đơn Cover plate	WMT6891-VN	65.000	WMT6891MYZ-VN	85.000	WMT6891MYH-VN	85.000
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN	2.500.000	WMT707MYZ-VN	2.700.000	WMT707MYH-VN	2.700.000

Halumie



	WEVH5531-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	19.500
	WEVH5521/ WEVH5521-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500
	WEVH5511/ WEVH5511-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500
	WEVH5532/ WEVH5532-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	47.000
	WEVH5522/ WEVH5522-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	47.000
	WEVH5512/ WEVH5512-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	47.000
	WEVH5542-7 Dùng với mặt WEVH68030 Công tắc C, 2 chiều, loại đôi 250VAC - 10A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	149.000
	WEVH5003 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	162.000
	WEVH5004 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	259.000
	WEVH5033-7 Có đèn báo Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	255.000

	WEVH5531K / WEVH5531-7K (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	22.000
	WEVH5521K / WEVH5521-7K (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	22.000
	WEVH5511K / WEVH5511-7K (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	22.000
	WEVH68010 Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH68020 Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH68030 Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH680290 Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH68910 Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	19.000
	WEVH8061 Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	19.000
	WEVH68040 Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.000
	WEVH68060 Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.000
	WEVH5151 - 51/WEVH5151-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	120.000
	WEVH5152 - 51/WEVH5152-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	141.000
	WEVH5401-011 Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	71.000



	WEV5001SW/WEV5001-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 19.000		WEV5001H/WEV5001-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B (1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 34.000
	WEV5002SW/WEV5002-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C - 2 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 41.000		WEV5002H/WEV5002-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C [2 - ways] Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 59.000
	WEG5003KSW Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 146.000		WEG5003KH Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D [2 poles] Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 216.000
	WEG5004KSW Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 233.000		WEG5004KH Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E [4 ways] Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 314.000
	WEG5151-51SWK/WEV51517SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 107.000		WEG5151-51KH/WEV51517H Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 136.000
	WEG5152-51SWK/WEV51527SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 126.000		WEG5152-51KH Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 168.000
	WEV5033-7SW Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 227.000		WEV5033-7H Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 283.000
	WEG5401-011SW Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng 65.000		WEG5401-7H Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 100.000
	WEG575151SW Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W Loại có chức năng bật tắt Dimmer for Incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng 325.000		WEG575151H Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn, loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W Dimmer for incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng 546.000
	WEG5141SW Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng 293.000		

	WEV1081SW/ WEV1081-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	37.000		WEV1081H/WEV1081-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	47.000
	WEV1181SW/ WEV1181-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	64.000		WEV1181H/WEV1181-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	87.000
	WEV1582SW/ WEV1582-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	93.000		WEV1582H/WEV1582-7H Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	127.000
	WEV2501SW Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	81.000		WEV2501H Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/thùng	121.000
	WEV2364SW Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	81.000		WEV2364H Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	121.000
	WEV2488SW-CAT5 WEV24886SW-CAT6 Ổ ảm data CAT5/ Ổ ảm data CAT6 Data modular CAT5/ Data modular CAT6 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	176.000 210.000		WEV2488H-CAT5 WEV24886H-CAT6 Ổ ảm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	210.000 252.000
	WEF11721W8 Ổ cắm USB/USB Charger Input: AC220V / Output: 5V - 2A	590.000		WEF11721H8 Ổ cắm USB/USB Charger Input: AC220V/ Output: 5V-2A	690.000
	WEG57912SW (Thời gian đặt hàng 4 tháng) Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	710.000		WEG57912H (Thời gian đặt hàng 4 tháng) Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	810.000
	WEG3020SW Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/hộp, 200 cái/thùng	10.000		WEG3020H Nút trống Blank chip Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	14.000
	WEG3023SW Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm Telephone wire chip đĩa 9mm/16mm Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	10.000		WEG3032RH Đèn báo màu đỏ, 220VAC Pilot lamp red Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	136.000
	WEG1001SW Ổ cắm đơn [dùng cho phích cắm dẹp], 250VAC - 16A Flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000		WEV1091SW Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000
	WEG1090SW Ổ cắm đơn [dùng cho phích cắm tròn], 250VAC - 16A round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000		WEGP1041SW-1 Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 250V - 13A 1 - gang multiple socket (A type plate) Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	189.000

	WEV68010SW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV68010MH Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV68020SW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV68020MH Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV68030SW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV68030MH Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV68910SW Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV68910MH Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV680290SW Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	17.000		WEV680290MH Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV7061SW Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	17.000		WEV7061MH Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEV7001SW Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	17.000		WEV7001MH Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	28.000
	WEG6804SW / WEV68040SW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	32.000		WEV68040MH Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000
	WEG6806SW / WEV68060SW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	32.000		WEV68060MH Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000
	WEV68920SW Mặt kín đôi Double cover plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	32.000			

	WEG68010MB/WEV68010MB Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEG68010MW/WEV68010MW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEG68020MB/WEV68020MB Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEG68020MW/WEV68020MW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEG68030MB/WEV68030MB Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEG68030MW/WEV68030MW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV68910MB Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV68910MW Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEG680290MB/WEV680290MB Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEG680290MW/WEV680290MW Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV7061MB Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV7061MW Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEV7001MB Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000		WEV7001MW Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	28.000
	WEG6804MB/WEV68040MB Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG6804MW/WEV68040MW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000
	WEG6806MB/WEV68060MB Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		WEG6806MW/WEV68060MW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000

MẶT CÓ NẮP CHE

	WEG7901 Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 1 device IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	228.000
	WEG7902 Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 2 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	228.000
	WEG7903 Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 3 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	228.000
	WEG8981 Mặt có nắp che mưa Weatherproof plate - IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng	219.000

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP

	WEG6501-1 Dùng cho 1 thiết bị 1 device metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	WEG6503-1 Dùng cho 3 thiết bị 3 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	WEG6502-1 Dùng cho 2 thiết bị 2 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	WEG65029-1 Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu 1-gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000



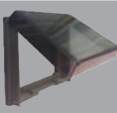
Refina MÀU

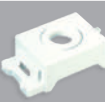
	WEG55317MB Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	43.000
	WEG55317MW Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	43.000
	WEG55317MH Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	43.000
	WEG55327MB Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000
	WEG55327MW Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000
	WEG55327MH Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000

Refina TRẮNG

	WEV5531SW/ WEV5531-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.000
	WEV5521SW/ WEV5521-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	34.000
	WEV5511SW/ WEV5511-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	34.000
	WEC5542-7SW Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Switch C - 3 ways Dùng với mặt WEV68030SW Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	142.000
	WEV5532SW/ WEV5532-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	62.000
	WEV5522SW/ WEV5522-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	62.000
	WEV5512SW/ WEV5512-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	62.000
	WEV5533-7SW (Bắt vít) Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	272.000

CHUYÊN DỤNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

	WEG5001K-031 Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A Switch B "Make Up Room" Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	29.000		WEG3032G-031 Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A "Make Up Room" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	160.000
	WEG5002K-021 Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A Switch C "Do not disturb" Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	51.000		WEG3032R-021 Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A "Do not disturb" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	160.000
	WEB1051W Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu Shaver socket build switch In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	1.460.000		WBC7010 Thiết bị chuyển tiếp 20A chuẩn BS, màu trắng Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng	134.000
	WEB5781WK Công tắc thẻ / Card Switch 220VAC - 16A Hàng không có sẵn Đặt hàng trước 4 tháng	1.730.000		WBC7020 Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS, màu trắng Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng	185.000
	WEBP1041SW-P Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A 1 gang multiple socket (BS type plate) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	189.000		WBC8981SW Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho công tắc, có nắp che mưa IP43 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	184.000
	WEB1111SWK Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A Receptacle - BS standard Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	115.000		WBC8991W Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho ổ cắm, có nắp che mưa IP43 Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	200.000
	WEB7811SW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900		WEB7811MH Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7812SW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900		WEB7812MH Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7813SW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900		WEB7813MH Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7811MW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000		WEB7811MB Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7812MW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000		WEB7812MB Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WEB7813MW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000		WEB7813MB Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	39.000
	WBG8981 - P Mặt có nắp che mưa chuẩn BS Weatherproof plate (BS type plate), IP55 Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	215.000			

	WNV5001-7W Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B(1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	12.000
	WNG5021W-7 Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Twin Switch B, single pole Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	92.000
	WNV5002-7W Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C(2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	34.000
	WNG5003W-7 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 10A Switch D(2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	109.000
	WNG5004W-7 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A Switch E(4 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	175.000
	WN5241W-801 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A Appellation glow switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	354.000
	WNG5051W-751 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	102.000
	WNG5052W-751 Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	123.000
	WNG5343W-761 Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng (có chữ) Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	180.000
	WBG5414699W Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy lạnh (có chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	180.000
	WBG5414699W-SP Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	180.000
	WBG5408699W Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 45A Dùng cho bếp điện, máy nước nóng Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	369.000
	WSG3001 Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting switch B, single pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	42.000
	WZV7841W Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WZV7842W Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WZV7843W Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WNV1081-7W Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000
	WNV1091-7W Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	25.000
	WNG159237W Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	74.000
	WZV1201W Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	61.000
	WNTG15649W Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	NRV3160W Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5 Data modular jack RJ45 - CAT5 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	165.000
	WNG5401W-7K Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	57.000
	WKG1092250 Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	53.000
	WN3020W Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	9.900
	WN3023W Lỗ ra dây điện thoại Telephone wire chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	9.900
	WN10907KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn) 250VAC - 10A, round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	30.000
	WN1001-7KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng	30.000
	WN11017W Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	57.000
	WZV7061W Mặt góc vuông dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	15.500
	WZV7844W Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	31.000
	WZV7846W Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	31.000

Gen-X A-TYPE



BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO

**WTEGP51552S-1-G**

Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
1 - device with plate

800.000

**WTEGP52562S-1-G**

Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
2 - devices with plate

1.370.000

**WTEGP53572S-1-G**

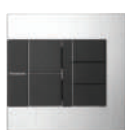
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
3 - devices with plate

2.050.000

**WTEGP54562S-1-G**

Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
4 - devices with plate

2.750.000

**WTEGP55582S-1-G**

Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
5 - device with plate

3.400.000

**WTEGP56572S-1-G**

Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
6 - devices with plate

4.100.000



MẶT ĐẸP

**WTEG6503S-1-G**

Mặt đúng 3 thiết bị
1 - gang, 3 - devices

490.000

BS - TYPE

**WTFBP51552S-1-G**

Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 1 device with plate

670.000

**WTFBP52562S-1-G**

Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 2 devices with plate

1.170.000

**WTFBP53572S-1-G**

Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 3 devices with plate

1.750.000

**WTFB6503S-1-G**

Mặt đúng 3 thiết bị
1 gang, 3 devices plate

420.000

**WEV2501B**

Ổ cắm TV
DIN type television terminal

130.000

**WEV2364B**

Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)

130.000

**WEV2488B**

Ổ data CAT5
CAT5E data
Modular jack

260.000

**WEG57912B-1**

Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
Thời gian đặt hàng 4 tháng

830.000

**WEG57816B-1-G**

Bộ điều chỉnh sáng tối
500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W

630.000

**WEG57813B-1-G**

Bộ điều chỉnh sáng tối
300W, 220V
Dimmer switch 220VAC 300W

560.000

**WEG15829B-G**

Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shutter 16A - 250V

137.000

**WEG3020B-G**

Nút trống
Blank chip

17.000

Ổ CẮM CÓ DÂY



WCHG243322W-G
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB, 250VAC - 16A
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
Đóng gói 10 cái/thùng

740.000



WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 250VAC - 16A
Extension cord 6 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

760.000



WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 250VAC - 16A
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

999.000



WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 250VAC - 10A
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 10 cái/thùng

419.000



WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 250VAC - 16A
Extension cord 5 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng

830.000

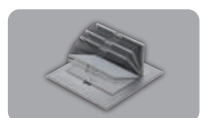
Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

1.080.000



DUF51200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46x102x102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.

1.320.000



DU5900VT
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69x119x119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.

1.200.000

Loại lắp 6 thiết bị



DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box

1.790.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DU81931HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Grounding duplex universal receptacle

860.000



DU8199HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

795.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

CHUÔNG ĐIỆN



EG6331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói 20 cái/thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888

107.000



EBG888
Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB
Door chime
Đóng gói 10 cái/thùng

184.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẦN TRẦN/BÁO CHÁY

Độ nhạy cao: Đầu dò với thiết bị cảm ứng Napion sản xuất theo công nghệ Panasonic.
Tuổi thọ cao: Thiết kế chức năng bật tắt 100.000 lần ở chế độ toàn tải.



Loại gắn nổi

WTKG2311
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Sản xuất tại Đài Loan
Chế độ hẹn giờ tắt
10 giây - 30 phút

2.540.000



Loại âm trần

WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Chế độ hẹn giờ 60 giây
Sản xuất tại Thái Lan
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút

1.180.000



Sản xuất tại Thái Lan

WTKG2411-P
Sensor chính
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Bóng đèn sợi đốt 660W - Bóng đèn huỳnh quang 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1000 lux

1.580.000



WTKG2911-P
Sensor phụ
Chỉ kết nối với WTKG2411-P
Không kết nối với đèn

945.000



Lắp trần và tường

SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Sản xuất tại Nhật Bản

980.000

TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1 :2004

	Mã số	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá Lê (Cái)
	NDP104P	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDP104	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDP108P	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDP108	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	176.000
	NDP110	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
	NDP114	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDP120	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDP126	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDP128	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000

DIMMER

ĐÈN BÁO



NDF603F/ NDL603F-Full
NDF603W/ NDL603W-Wide
FDL603FW-Full
FDL603W-Wide

- Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
- Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

63.500


N302WF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302WW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302WW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

- Đèn báo màu trắng
- Pilot lamp, white 220VAC

18.000


NDL903F-Full/ NDL903W-Wide
FDL903FW-Full

- Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn
- Dimmer for incandescent lamp
- 220VAC - 1000W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

70.000


N302GF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302GW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302GW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu xanh
- Pilot lamp, green 220VAC

18.000

CẦU CHÌ



NF101F-Full/ NF101W - Wide
FF102F-Nano-Full/ FF102W-Nano-Wide

- Cầu chì - Fuse
- 220VAC - 10A
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

16.800


N302RF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302RW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302RW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu đỏ
- Pilot lamp, red 220VAC

18.000

CÔNG TẮC THỂ



NCS7001
- Công tắc thể (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch - 20A - 250V
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

nanoco
800.000


WNH5611-801
- Công tắc thể (3 tiếp điểm)
- Tablet switch (3 circuits)
- 250V - 10A

Panasonic
1.725.000

PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB



NS80

- Đai sắt dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
- Frame for HB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.000



NN81

- Đai nhựa dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)
- Frame for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

4.000



NHB9801

- Hộp nối dùng cho HB
- Mounting surface plate for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

8.000



NBD9802

- Hộp nối dùng cho CB 2 tếp
- Mounting surface plate for MCB 2P
- Kích thước: 121x54x69.47mm
- Đóng gói 30 cái/thùng

18.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔI



NBD200

- Hộp âm cho CB tếp
- Wiring box for MCB
- Kích thước: 115x66x58mm
- Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng

9.000



NN101F/ FN101M-Full/ NN101W-Wide

- Hộp nối đơn
- Surface box
- Kích thước: 120x70x35mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

10.500



NN102F-Full/ NN102W-Wide

- Hộp nối đôi
- Duplex surface box
- Kích thước: 120x115x35mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

16.000



NA101

- Hộp âm nhựa trắng, đơn
- Wiring box - 1 gang
- Kích thước: 106x64x43mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.200



NA102

- Hộp âm đôi
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 109x103x44mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

14.000



NA105

- Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box - BS Standard
- Kích thước: 80x80x42.5mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.000



NA106

- Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu
- (Dùng cho WEB1051W)
- Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)
- Kích thước: 135x75.6x58mm
- Đóng gói 40 cái/thùng

18.000



NPCA104

- Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 131x106x42.5mm
- Đóng gói 50 cái/thùng

14.000

HỘP NỔI DÂY



NPA10050V

- Hộp nối dây 100x100x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

20.000



NPA12050V

- Hộp nối dây 120x120x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

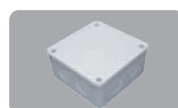
24.000



NPA15055V

- Hộp nối dây 150x150x55mm
- Wiring box
- Đóng gói 20 cái/thùng

35.000



NPA20065V

- Hộp nối dây 200x200x65mm
- Wiring box
- Đóng gói 10 cái/thùng

62.000



NPA103V

- Hộp nối dây tròn 90x90x40mm
- Round junction box
- Đóng gói 60 cái/thùng

10.000

MẶT THIẾT BỊ



NBD101W

- Mặt dùng cho 1 CB tếp
- Plate for 1p MCB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



NB9601

- Nắp kín đơn
- Wiring box lid - 1 gang
- Đóng gói 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000



NB9602

- Nắp kín đôi
- Wiring box lid - 2 gang
- Đóng gói 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000



NA105-N

- Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box lid - BS Standard
- Đóng gói 50 cái/bao, 700 cái/thùng

3.000



Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nối đều có kèm vít

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

Tự động quản lý

Thời gian và điện năng hiệu quả hơn

**TB178**

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 15A
6 chế độ cài giờ - thời gian cài tối thiểu 30 phút
Không có pin dự trữ
6 operations, minimum setting time is 30 min
W/o battery

620.000

**TB118**

SPST Type, 220 - 240VAC, 15A, 6 chế độ cài giờ.
Thời gian cài tối thiểu 30 phút. Có pin dự trữ 300 giờ
6 operations, minimum setting time is 30 min
C/w battery 300 hours

998.000

TB380N2457

Pin dùng cho TB118

199.000

**TB35809NE5**

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 20A
96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Không có pin dự trữ
96 operations, minimum setting time is 15 min
W/o battery

745.000

**TB38809NE7**

SPST Type
220 - 240VAC, 15A
96 chế độ cài giờ
Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Có pin dự trữ 300 giờ
96 operations, minimum setting time is 15 min
C/w battery 300 hours

1.150.000

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground
WK2320K 250V - 20A - 3P
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

187.000

220.000

650.000



WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

340.000

725.000



WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle
250V - 30A - 3P

510.000



WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground
WF2320WK 250V - 20A - 3P
WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground

160.000

200.000

500.000



WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground
WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground
WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground

320.000

640.000

320.000



WN1518R
Ổ cắm dôi có dây nối đất
Grounding flat pin receptacle
125V - 15A

270.000



WN37008
Đai kim loại
Metal - Frame

14.000



WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn
Đường kính 35.5/45.5mm
1 gang - 1 device aluminum plate
35.5 dia/45.5 dia

97.000



WN7601-8 Mặt 1 kim loại
WN7602-8 Mặt 2 kim loại
WN7603-8 Mặt 3 kim loại
Stainless plate

88.000



WN3040K-8
Trạm nối đất
Grounding - terminal

90.000



WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground
WF6320 250V - 20A - 3P
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground
Phích cắm locking/Locking Plug

115.000

189.000

470.000



WF6420 250V - 20A - 3P + Ground
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground
Phích cắm locking/Locking plug

220.000

500.000



WF4330
Phích cắm kín nước
Rubber plug
250V - 30A - 3P

660.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA



ME2592W
Phích cắm 3 chấu
Grounding plug
125V - 15A
Đóng gói 10 cái/hộp

87.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN - TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - MCB MCB BD - 63:IEC 60898 STANDARDS MCB BD - 125:IEC 60947 - 2 STANDARDS

MCB 01 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	86.000
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
Đóng gói 48 cái/thùng	BBD1501CNV	50		203.000
	BBD1631CNV	63		
Đóng gói 8 cái/thùng	BBD108011C	80	230VAC	730.000
	BBD110011C	100	10kA	800.000

MCB 02 P C Curve				
	BBD2062CNV	06	240VAC 10kA	247.000
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		
	BBD2322CNV	32		
	BBD2402CNV	40		
Đóng gói 24 cái/thùng	BBD2502CNV	50	415VAC 06kA	409.000
	BBD2632CNV	63		
Đóng gói 4 cái/thùng	BBD208021C	80	400VAC 10kA	1.450.000
	BBD210021C	100		

MCB 03 P C Curve	Mã số Code	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	438.000
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
Đóng gói 16 cái/thùng	BBD3503CNV	50	415VAC 06kA	654.000
	BBD3633CNV	63		
Đóng gói 2 cái/thùng	BBD308031C	80	400VAC 10kA	1.940.000
	BBD310031C	100		2.040.000

	BBD4064CA	06	415VAC 06kA	618.000
	BBD4104CA	10		
	BBD4164CNV	16		
	BBD4204CNV	20		
	BBD4254CNV	25		
	BBD4324CNV	32		
	BBD4404CNV	40		
Đóng gói 12 cái/thùng	BBD4504CNV	50		922.000
	BBD4634CNV	63		
Đóng gói 2 cái/thùng	BBD408041C	80	400VAC 10kA	3.000.000
	BBD410041C	100		3.200.000

RCBO Cầu Dao Bảo Vệ Quá Tải, Ngắn Mạch & Chống Rò / 02P - C CURVE.RCBO BDE-40, 63:IEC 61009 STANDARDS



Đóng gói
24 cái/thùng

Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VND)
BBDE20631CNV	06	30	06	587.000
BBDE21631CNV	16			
BBDE22031CNV	20			
BBDE22531CNV	25	30	06	628.000
BBDE23231CNV	32			
BBDE24031CNV	40			
BBDE25031CNV	50	30	06	891.000
BBDE26331CNV	63			

CẦU DAO CHỐNG GIẬT 4P /25A, 32A, 40A, 50A, 63A



Đóng gói
24 cái/thùng

Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VND)
BBDE42534CNV	25	30	06	1.500.000
BBDE43234CNV	32			
BBDE44034CNV	40			
BBDE45034CNV	50			
BBDE46334CNV	63			1.980.000

NHẬN BIẾT DỄ DÀNG HƠN

Ba trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ **Bật điện/Tắt điện/Ngắn mạch**

BD-63R

Ba cấp độ báo

Bật Tắt Ngắn mạch

Màu đỏ
Màu xanh
Màu trắng

BDE-63R

Chỉ báo điện dư

Ba cấp độ báo

Bật Tắt Ngắn mạch

Màu đỏ
Màu xanh
Màu trắng

Nút kiểm tra

Các chỉ số tình trạng Bật điện, Tắt điện và ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.

* Dự kiến có hàng tháng 01/2020

CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MẠCH ĐIỆN TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - Molded Case Circuit Breaker - MCCB

IEC 60947-2 Standards

Hình ảnh Images	Mã số Code	Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA)		Đơn giá Price (VNĐ)
			200 VAC	500 VAC	
	BBC3601YHV	63	25	7.5	1.700.000
	BBC3100YHV	100			
	BBC31502YHV	150	35	10	4.300.000
	BBC32001YHV	200			
	BBC3250YHV	250			

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA)		
			200 VAC	415 VAC	

MCCB 02 P - GD Series

	BBW240SKY	40	10	2.5	880.000	
	BBW250SKY	50				
	DIN rail mounting (Gắn trên thanh ray)					
	BBW260Y	60	5	2.5	940.000	
	BBW275SKY	75	50	25	1.720.000	
BBW2100SKY	100					

MCCB 03 P - GD Series

	BBW310Y	10	2.5	1.5	690.000
	BBW315Y	15			
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			
	BBW340SKY	40	10	2.5	1.120.000
	BBW350SKY	50			
	BBW360SKY	60			
	DIN rail mounting				
	BBW375SKY	75	50	25	2.200.000
	BBW3100SKY	100			
	BBW3125SKY	125	50	25	2.870.000
	BBW3150SKY	150			

MCCB 03 P - GD Series

	BBW3175KY	175	50	25	3.950.000
	BBW3200KY	200			
	BBW3225KY	225			
	BBW3250KY	250	50	25	6.300.000
	BBW3400KY	400	50	25	8.600.000

BỘ NGẮT MẠCH AN TOÀN HB-02P & ELB BẢO VỆ DÒNG RÒ-02P Safety Breaker & Earth Leakage Breaker

JIS Standards

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions			Đơn giá Price (VNĐ)
	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA) 240VAC	
	BS11106TV	6	1	82.500
	BS1110TV	10	1.5	
	BS1111TV	15	1.5	
	BS1112TV	20	1.5	
	BS1113TV	30	1.5	
	BS1114TV	40	1.5	

Hình ảnh Images	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)
	30	15 30	1.5	350.000
	BJS3020NA2	ELB không bảo vệ quá tải		
	BJS3030NA2	ELB W/o O.C protected		

Hình ảnh Images	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)
	30	30	2.5	755.000
	BJJ23030-8	ELB không bảo vệ quá tải ELB W/o O.C protected		

Hình ảnh Images	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)
	30	15 30	1.5	888.000
	BJJ23022-8	ELB có bảo vệ quá tải		
	BJJ23032-8	ELB with O.C protected		

Hình ảnh Images	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)
	50	30	2.5	1.550.000
	BKW2503Y	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		

Hình ảnh Images	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)
	60	30	10	2.300.000
	BKW2603SKY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		

Hình ảnh Images	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)
	100	30	25	3.200.000
	BKW21003KY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-15TGU1	10	240	35	15	21.7	790.000
FV-20CUT1	23	438	40.5	27	27	890.000
FV-25TGU5	26.5	612	39	38	31.5	990.000

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG THEO NHU CẦU

Sử dụng riêng cho phòng tắm

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ (cm)	
FV-10BAT1	15	80	40	16x21	1.980.000

Sử dụng cho nhà bếp

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-25AUF1	34	835	42	30	1.510.000

- Nắp dạng lưới bằng nhôm không dính nước (Dầu sẽ đọng lại thành từng hạt và rơi vào khay chứa dầu)
- Dễ lau sạch bụi bẩn, bảo trì dễ dàng và có khay trữ dầu thể tích lớn
- Có kim chỉ mức dầu

Sử dụng cho nhà tắm

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGS1	5.5	75	35	12	770.000
FV-15EGS1	6.2	150	36	16.5	930.000

Sử dụng cho nhà tắm, có nắp che mưa

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGK	5.5	75	33	13.5	835.000
FV-15EGK	6.2	160	34	18	1.065.000

Sử dụng cho nhà tắm, có lưới chắn côn trùng, kháng nước IPX4

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGF1	5.5	75	31	13.5	950.000
FV-15EGF1	6.2	155	33	18.5	1.190.000

Ốp vách kính

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-15WU4	8	210	35	18	940.000
FV-20WU4	16	360	32	24	1.210.000

- Đường kính lỗ kính 17.7cm/23.8 cm

MÁY SƯỞI DÙNG CHO PHÒNG TẮM

Chức năng thông gió và sưởi ấm

FV - 27BV1					5.990.000
- Kích thước lắp đặt 270x 270mm - Kích thước ống dẫn Ø100mm					
Sưởi ấm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)		
	1,300	150	46		
Thông gió	21		42		

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 1 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-15AUL	12.5	255	36	16	20	980.000

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20AL9	20	546	40	34	25	1.000.000
FV-25AL9	27	835	43	52	30	1.105.000
FV-30AL7	31	930	43	58	35	2.220.000

Loại 2 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20RL7	20	546	39	34	25	1.600.000
FV-25RL7	29	840	43	54	30	1.960.000
FV-30RL6	31	990	44	61	35	2.300.000

Loại 1 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20AU9	20	580	38	36	25	800.000
FV-25AU9	27	920	39	57	30	905.000
FV-30AU9	31	1,150	39	74	35	1.470.000

Loại 2 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20RG7	20	580	36	36	25	1.460.000
FV-25RG7	27	945	38	58	30	1.670.000
FV-30RG7	31	1,165	39	72	35	2.020.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP Industrial Ventilating Fans

Dòng sản phẩm chịu áp lực cao

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m ²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-25GS4	39	1,100	34	27.5		4.450.000
FV-30GS4	59	1,800	38	32.5		6.150.000
FV-35GS4	88	2,670	44	39.5		7.550.000
FV-40GS4	161	3,780	47	44.5		9.600.000
FV-45GS4	227	5,400	51	50		15.700.000

Made in Japan

(*) Tham khảo thêm dòng **Quạt hút Cabinet** (trang 18) độ ồn thấp, sử dụng cho văn phòng.

ƯU ĐIỂM CỦA CÁNH QUẠT - QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP



Áp suất tĩnh cao, tiết kiệm điện

Thiết kế cánh quạt hình sóng độc đáo giúp quạt hoạt động với áp suất tĩnh cao và tiêu thụ điện năng thấp.



Độ ồn thấp

Cánh quạt được thiết kế với lưới ly tâm giúp tăng hiệu suất thông gió và giảm tiếng ồn khi hoạt động.



Độ bền cao

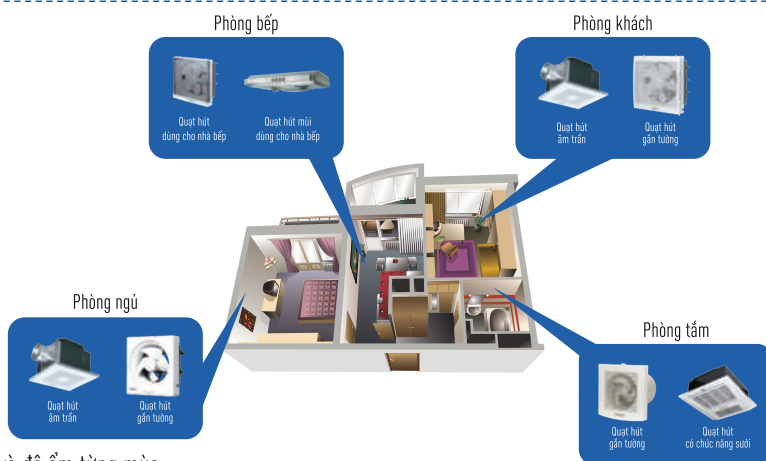
Bề mặt được sơn chống gỉ cùng với thiết kế giúp áp suất phân bố đều trên bề mặt cánh giúp cánh quạt bền hơn.

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc,...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu cho phòng ngủ vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp: 26 dB
- Động cơ DC tiết kiệm điện lên tới 35%
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000 giờ
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- 3 cấp độ lưu lượng gió phù hợp với yêu cầu thông thoáng khí và độ ẩm từng mùa



QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ						
FV-17CU8	7.5	85	23	5	17	2.305.000
FV-24CU8	10.5	140	25	9	24	2.860.000
FV-24CD8	13.5	170	28.5	11	24	2.950.000
FV-24CH8	16.5	200	32	12	24	3.095.000



Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ						
FV-27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	20	27	4.550.000
	28 (Hi)	330 (Hi)	34			
FV-32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	27	32	6.100.000
	42 (Hi)	430 (Hi)	36			
FV-32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	33	32	6.650.000
	55 (Hi)	530 (Hi)	41			
FV-38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	40	38,5	8.300.000
	90 (Hi)	640 (Hi)	44			
FV-38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	49	38,5	9.000.000
	122 (Hi)	800 (Hi)	50			

Dòng quạt hút có sensor

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ					
FV-24CUR1	11	140	25	9	24
FV-24CHR1	17	200	32	12	24

*Sensor chuyển động

FV-24CURV1	11	140	25	9	24	5.500.000
FV-24CHRV1	17	200	32	12	24	5.700.000

*Sensor chuyển động & độ ẩm



Dòng quạt hút có sensor

Động cơ DC, vận hành cực êm, dùng với ống dẫn Ø100mm

FV-24JR2	3.6	80	20	10	24	5.000.000
	5.2	120	26			
	8	160	31			
FV-24JA2						4.350.000

Riêng FV-24JR2 có sensor hồng ngoại hỗ trợ điều chỉnh tốc độ quạt.

QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã số	Cấp độ	W	CMH	dB	S (m²)	D (cm)	
FV-12NS3	Hi	18	180	21	11	Ø100	2.950.000
	Low	17	145	17			
FV-15NS3	Hi	33	340	25	21	Ø150	3.900.000
	Low	29.5	275	22			
FV-18NS3	Hi	60	500	29	31	Ø150	4.650.000
	Low	55	405	27			
FV-18NF3	Hi	91	770	31	48	Ø200	5.650.000
	Low	80	620	29			
FV-20NS3	Hi	120	920	32	57	Ø200	6.990.000
	Low	113	720	29			
FV-23NL3	Hi	230	1200	40	74	Ø200	8.550.000
	Low	170	900	34			
FV-25NS3	Hi	345	1700	41	105	Ø250	11.300.000
	Low	265	1380	38			
FV-25NF3	Hi	390	1900	43	117	Ø250	12.990.000
	Low	325	1600	40			



Tạo luồng gió lớn
(Đối diện với động cơ)

Đường dẫn lưu lượng lớn

Áp suất tĩnh cao
(Phía động cơ)

Kích thước cánh lớn

Mạnh mẽ với luồng gió kép
Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên
Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra
Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

Nắp kim loại

Hộp kết nối được đặt ở cuối thiết bị

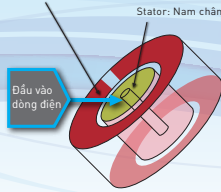
*Giá bán đã bao gồm VAT

Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần. Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức tiêu thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC)

Động cơ điện một chiều (DC)

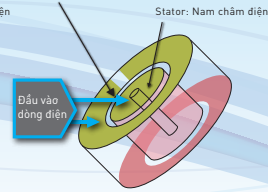
Rotor: Nam châm vĩnh cửu



Chỉ cần đấu vào dòng điện cho Stator

Động cơ điện xoay chiều (AC)

Rotor: Nam châm điện

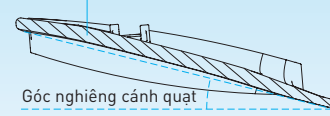


Cần đấu vào dòng điện cho cả Rotor và Stator

Thiết kế cánh quạt 3D

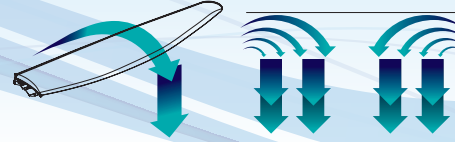
Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.

Đường cong cánh quạt



Góc nghiêng cánh quạt
Thiết kế đường cong 3D ở tâm cánh quạt giúp đón gió hiệu quả.

Luồng gió
Mạnh mẽ hơn



⚠ Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

Ánh sáng trắng

Ánh sáng ban ngày

Ánh sáng vàng

Ánh sáng vàng dịu

F-60UFN

- Công suất 59W (motor: 37W, đèn: 22W)
- Động cơ DC tiết kiệm điện
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

11.990.000

F-60TAN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

8.990.000

F-60XDN (Màu đen)
F-60XDN-W (Màu trắng)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

7.690.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn NSX và tiếp đất theo HSDS để đảm bảo an toàn khi giởng sét.



Đường kính cánh 180cm

F-70ZBP (Chiều dài ti:40cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

16.600.000



Đường kính cánh 200cm

F-80ZBR (Chiều dài ti:40cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

18.200.000



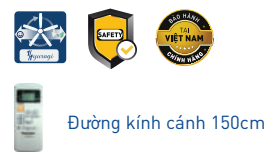
Đường kính cánh 150cm

F-60TDN (Chiều dài ti:28.8cm)

F-60TDN-S (Chiều dài ti:21cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

6.650.000



Đường kính cánh 150cm

F-60WWK (Chiều dài ti:31.8cm)

F-60WWK-S (Chiều dài ti:22.5cm)

- Công suất 76W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 7 cấp độ gió, lưu lượng gió 220m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

6.650.000



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 29.2cm

F-56XPG (Màu đen)

F-56XPG-W (Màu trắng)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 191m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.450.000



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 31.7cm

F-56MPG-GO (Màu vàng ánh kim)

F-56MPG-S (Màu bạc)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 180m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.110.000



Màu trắng viền vàng
Đường kính cánh 150cm
Hộp số loại nổi

F-60MZZ-MS Quạt trần 3 cánh hộp số nổi, chiều dài ti (22.8cm)

F-60MZZ-S Quạt trần 3 cánh hộp số nổi, chiều dài ti (30.4cm)

F-60MZZ Quạt trần 3 cánh hộp số nổi, chiều dài ti (45.6cm)

F-60MZZ-L Quạt trần 3 cánh hộp số nổi, chiều dài ti (59.8cm)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215m³/phút

1.450.000



Đường kính cánh 140cm
Chiều dài ti 40cm

F-56MZZ-GO (Màu vàng ánh kim)

F-56MZZ-S (Màu bạc)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 180m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.110.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn NSX và tiếp đất theo HSDS để đảm bảo an toàn khi giông sét.

QUẠT ĐỨNG - Standing fan



F-409KB (Màu xanh)
F-409KBE (Màu beige)
F-409KMR (Màu đỏ)

- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 128cm - 143cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 77.5m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

3.680.000



F-407WGO (Màu vàng kim)

- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 134 - 157cm
- Công suất 53.5W
- Lưu lượng gió 76m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

3.000.000



F-308NHB (Màu xanh)
F-308NHP (Màu hồng)

- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 91cm - 105cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 40m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

3.650.000



F-307KHB (Màu xanh)
F-307KHS (Màu bạc)

- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 66 - 85cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 50.7m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Mạng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

2.550.000

QUẠT BÀN - Desk fan



F-400CB (Màu xanh)
F-400CI (Màu trắng ngà)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 48W
- Lưu lượng gió 75m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng

1.390.000



F-409QB (Màu xanh)
F-409QGO (Màu vàng)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 45W
- Lưu lượng gió 79m³/phút
- Quạt đảo 360°
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

2.950.000

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



Thiết kế AN TOÀN

Lưu lượng gió
100M³/PHÚT

Vận hành êm ái
KHÔNG GÂY TIẾNG ỒN



F-50YUZ (Màu đen)

- Đường kính quạt 50cm
- Công suất 53 ~ 63W
- Lưu lượng gió 100m³/phút
- 850 ~ 1230 vòng quay/phút
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

4.000.000



F-409MB (Màu xanh)
F-409MG (Màu trắng ngà)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 77.5m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

2.590.000



F-409UB (Màu xanh)
F-409UGO (Màu vàng kim)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 47.5W
- Lưu lượng gió 76m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.090.000

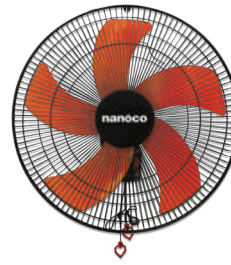
QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan & QUẠT ĐẢO - Cycle Fan

**NWF1604G** (Màu xám)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió



520.000

**NWF1606** (Màu đen cam)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió



550.000



Điều khiển từ xa

**NWF1605G-RC** (Màu xám)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 45W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió
- 3 chế độ gió: Gió thường, gió ngủ, gió tự nhiên
- Hẹn giờ tắt 0.5 - 7.5 giờ
- Có remote

820.000

Quạt đảo - Cycle Fan

**NOF1609** (Màu xám trắng)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió



595.000

QUẠT ĐỨNG - Standing fan

**NSF1616BL** (Màu xanh)**NSF1616BE** (Màu trắng ngà)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Chiều cao quạt 110cm - 130cm
- Công suất 42W
- Lõi motor dây đồng
- 4 cấp độ gió
- Có chế độ hẹn giờ

710.000

**NSF1620BL-RC** (Màu xanh)**NSF1620BE-RC** (Màu trắng ngà)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 45W
- Lõi motor dây đồng
- 3 cấp độ gió
- 3 chế độ gió: Gió thường, gió ngủ, gió tự nhiên
- Hẹn giờ tắt 1 - 7 giờ
- Có remote



Điều khiển từ xa

1.100.000

QUẠT SẠC GẤP GỌN - Rechargeable Fan

**NFF1617W** (Màu trắng)**NFF1617P** (Màu hồng)

- Quạt có thể gấp gọn
- Chất liệu hợp kim nhôm và nhựa ABS
- Kích thước xếp (mm): 197 x 197 x 93
- Kích thước mở (mm): 197 x 197 x 975
- Lưu lượng gió: 2.3 ~ 4.0 m/s
- Nguồn điện 5V - Pin 3.7V 7200 mAh
- Thời gian sử dụng: 5 - 24 tiếng
- Độ ồn: 30 - 40 dB

820.000

QUẠT SẠC

nanoco

An toàn - Tiện nghi - Hiện đại

BỀN BỈ - MẠNH MẼ

Thay đổi kích thước nhanh chóng

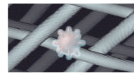
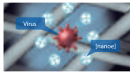
Thu gọn dễ dàng

CÔNG NGHỆ NANOTM



KHÁNG KHUẨN/NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2)
- Diệt 99.9% VI KHUẨN (E. Coli O157, MRSA-H)



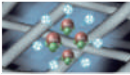
Bao vây virus và vi khuẩn

Vô hiệu hoá virus và vi khuẩn



KHỬ MÙI

- Giảm 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phân tử mùi

Phân rã và loại bỏ mùi



GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ô tốc độ trung bình.



Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

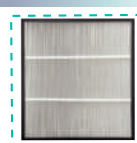
Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.



Tiết kiệm điện 50% (*1)
So sánh với chế độ tự động

TẮM LỌC KHÍ

Tắm lọc khí tích hợp



Chỉ vệ sinh khi trời tiếp xúc với nước

Tắm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Allergu-buster, tinh chất Catechin trong trà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng



Vô hiệu hóa Virus



Vô hiệu hóa Vi khuẩn

nano-technology + electric = **nano^e**

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI



nano^e

ECONAVI

MEGA CATCHER

Humidification



F-VXK70A (Máy lọc không khí có tạo ẩm)

- Chức năng tạo ẩm có đèn báo.
- Thiết kế sang trọng, hiện đại.
- Công suất lớn, diện tích sử dụng 52m²
- Chế độ ECONAVI tiết kiệm tới 60% năng lượng tiêu thụ
- Công nghệ MEGACATCHER giúp làm sạch hiệu quả
- Chế độ cảm biến con người, giúp máy tự hoạt động khi có người xuất hiện
- Lưới lọc bụi HEPA hoàn toàn mới, lọc sạch cả các bụi PM1.0 nhỏ li ti
- Lưới lọc mùi và lưới tạo ẩm độ bền cao, tuổi thọ 10 năm

KHUYẾN CÁO

Vệ sinh lưới lọc bằng máy hút bụi hoặc chổi mềm.
Không vệ sinh lưới lọc bằng nước và các chất tẩy rửa khác sẽ làm hỏng lưới lọc.

Có thể đặt đứng hoặc treo tường



F-VXK70A

14.500.000



F-PXM55A

12.500.000



F-PXL45A

10.650.000



F-PXM35A

6.600.000



F-PXJ30A

4.300.000



F-P15EHA

3.500.000

Thông số kỹ thuật	F-VXK70A	F-PXM55A	F-PXL45A	F-PXM35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
- Lưu lượng gió (m ³ /min) - hi	6.7	5.3	4.5	3.5	2.8	1.6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	49	42	20	30	24
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	52	52	44	44	44
- Phạm vi hoạt động [[m ²]]	52	42	33	26	20	13
- Công nghệ lọc	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM	nano ^e TM	—
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA	HEPA	HEPA	—	HEPA
- Hút gió 3 chiều	●	●	●	●	●	●
- Cảm biến sensor	Bụi và Mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Mùi	Mùi	—
- Đo mức độ ô nhiễm	●	●	●	●	●	●
- Đèn báo PM2.5	●	●	●	—	—	—
- Chế độ tự động	●	●	●	●	●	●
- Chế độ Turbo	●	●	●	●	●	●
- Chế độ ngủ [8 giờ]	●	●	●	●	●	●
- Chế độ báo thay bộ lọc	●	●	●	●	●	●
- Chế độ khóa trẻ em	●	●	●	—	—	●
- Kích thước [C x R x S] [mm]	636x398x265	580x300x205	516x404x235	520x300x189	540x311x210	310x385x152
- Chế độ Econavi	●	●	●	—	—	—
- Điều khiển bằng remote	—	—	●	—	—	—
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	10 năm	10 năm	3 năm	3 năm	2 năm	2 năm
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	1.700.000 800.000	1.690.000 750.000	1.350.000 800.000	1.100.000 600.000	750.000 500.000	1.150.000 Hỗn hợp + khử mùi

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

LED DOWNLIGHT DN SERIES

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - 220V

Kích thước: Ø109mm/H: 50mm

Kích thước khoét lỗ: Ø90mm

NNNC7581388 - 450lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586388 - 450lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596388 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

240.000

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø114mm/H: 50mm

Kích thước khoét lỗ: Ø95mm

NNNC7581488 - 675lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586488 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596488 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

285.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø144mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

NNNC7581588 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586588 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596588 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

376.000

Công suất 15W - 220V

Kích thước: Ø169mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNNC7581888 - 1125lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586888 - 1125lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596888 - 1125lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

440.000

Công suất 18W - 220V

Kích thước: Ø194mm/H: 55mm

Kích thước khoét lỗ: Ø175mm

NNNC7581688 - 1350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7586688 - 1350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7596688 - 1350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

510.000



LED Downlight DN Series

LED DOWNLIGHT ĐIỀU CHỈNH GÓC

Công suất 3W - 220V - Chỉnh góc 38° - CRI: 80

Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø80mm

NNNC7630088 - 250lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7631088 - 250lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7635088 - 250lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

240.000

Công suất 5W - 220V - Chỉnh góc 60° - CRI: 80

Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø80mm

NNNC7624088 - 350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7629088 - 350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7628088 - 350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

270.000

Công suất 7W - 220V - Chỉnh góc 60° - CRI: 80

Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm

Kích thước khoét lỗ: Ø80mm

NNNC7624188 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7629188 - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7628188 - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

310.000



LED điều chỉnh góc

Tự do, thoải mái điều chỉnh góc chiếu sáng



LED DOWNLIGHT ĐỔI 3 MÀU



Ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K

NNNC7646088

- Công suất: 9W - 810lm

- Kích thước: Ø127mm/H: 50mm

- Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

430.000

NNNC7646188

- Công suất: 12W - 1140lm

- Kích thước: Ø144/H: 55mm

- Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

530.000

NNNC7646288

- Công suất: 15W - 1650lm

- Kích thước: Ø169/H: 55mm

- Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

630.000



LED NEO SLIM DOWNLIGHT - MADE IN INDONESIA



Slim Downlight vuông - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 9W - 220V

Kích thước: L120xW120mm/ H: 30mm

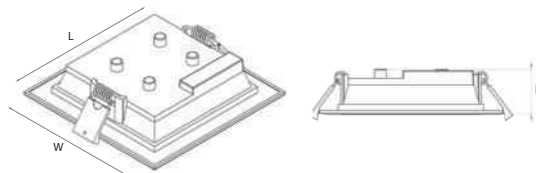
Kích thước khoét lỗ: L100xW100mm

NNP72250 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP72255 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

370.000



Slim Downlight tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 6W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

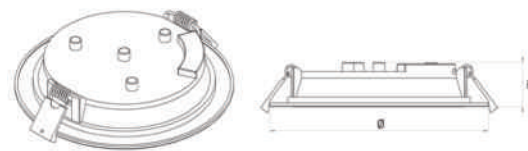
NNP71272 - 420lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP71279 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP71278 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

255.000



Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

NNP72272 - 630lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP72279 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP72278 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

299.000



Công suất 15W - 220V

Kích thước: Ø170mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNP74472 - 1130lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP74479 - 1130lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP74478 - 1130lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

479.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø145mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

NNP73472 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP73479 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP73478 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

385.000

Công suất 18W - 220V

Kích thước: Ø170mm/H: 30mm

Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

NNP74572 - 1440lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP74579 - 1440lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP74578 - 1440lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

535.000

NEW

LED DOWNLIGHT ALPHA SERIES - MADE IN INDONESIA

*Vỏ đèn kim loại, độ sáng sắc nét, tuổi thọ lên tới 40.000 giờ



Downlight LED Alpha Series tròn - CRI: Ra80

Công suất 8.6W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 35mm

Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

NNP72243 - 770lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNP72253 - 815lm - Ánh sáng trung tính 5000K

NNP72286 - 850lm - Ánh sáng trắng 6500K

650.000



Downlight LED Alpha Series vuông - CRI: Ra80

Công suất 8.6W - 220V

Kích thước: L100xW100mm/ H: 42mm

Kích thước khoét lỗ: L100xW100mm

NNP72283 - 697lm - Ánh sáng vàng 2700K

NNP72288 - 730lm - Ánh sáng trắng 6500K

750.000

LED DOWNLIGHT ONE-CORE - Sản xuất tại Indonesia



Downlight thường góc chiếu 100° - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40501K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K

635.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40701K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD20701K19 - 622lm - Ánh sáng trắng 6500K

825.000



Downlight LED chống ẩm - IP43 - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40508K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K

880.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD40708K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD20708K19 - 585lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.100.000



Downlight LED góc chiếu hẹp 24° - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD70501K19 - 310lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD50501K19 - 325lm - Ánh sáng trắng 6500K

880.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/H: 80mm

HH-LD70701K19 - 510lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD50701K19 - 540lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.100.000



Downlight LED vuông - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, L100xW100xH80mm

HH-LD40507K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K

HH-LD20507K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6500K

960.000

DOWNLIGHT LED ĐIỀU CHỈNH GÓC CHIẾU - Sản xuất tại Indonesia



Góc chiếu 24° - Tuổi thọ 30,000 giờ

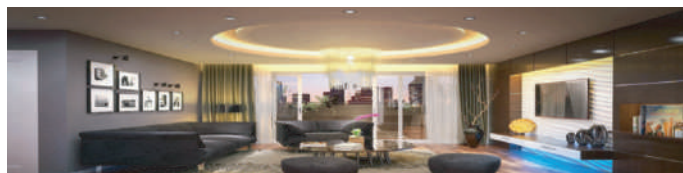
Công suất 7W - 220V, Ø75/H: 32mm

NNP21102 - 465lm - Ánh sáng trắng 6500K

Kích thước: Ø90mm/H: 32 mm

Kích thước khoét lỗ: Ø75mm

640.000



LED ỒP TRẦN NỔI (TRÒN)

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø120mm/H: 36mm

NNNC7632088 - 350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7633088 - 350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7637088 - 350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

350.000

Công suất 12W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø170mm/H: 36mm

NNNC7632188 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7633188 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7637188 - 800lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

490.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 18W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø225mm

NNNC7622088 - 1350lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7623088 - 1350lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7627088 - 1350lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

650.000

Công suất 24W - AC 220 - 240V, 50/60Hz

Kích thước: Ø300mm

NNNC7622188 - 1700lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNNC7623188 - 1700lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NNNC7627188 - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

960.000



Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

LED NEO BULB

LED Neo Bulb - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 12,000 giờ

Công suất: 3W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV3LH7A - 280lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV3DH7A - 280lm - Ánh sáng trắng 6500K

66.000

Công suất: 7W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV7LH7A - 585lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV7DH7A - 650lm - Ánh sáng trắng 6500K

92.000

Công suất: 13W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV13LH7A - 1260lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV13DH7A - 1400lm - Ánh sáng trắng 6500K

149.000

Công suất: 5W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV5LH7A - 470lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV5DH7A - 470lm - Ánh sáng trắng 6500K

83.000

Công suất: 9W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV9LH7A - 729lm - Ánh sáng vàng 3000K

LDAHV9DH7A - 810lm - Ánh sáng trắng 6500K

118.000

Công suất: 15W, 110V - 240V, 50/60Hz

LDAHV15LH7A - 1530lm - Ánh sáng vàng 3000K

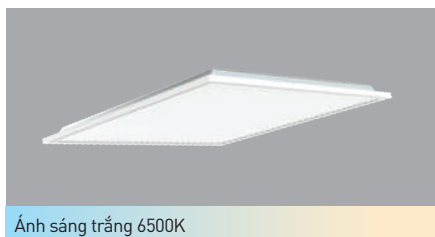
LDAHV15DH7A - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

174.000



ĐÈN PANEL VĂN PHÒNG

* Thời gian đặt hàng: 2,5 tháng

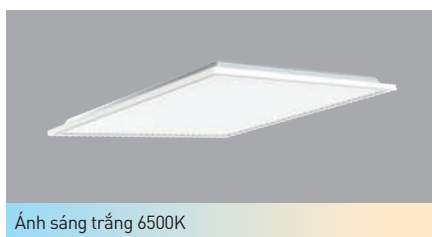


Ánh sáng trắng 6500K

NNFC7036088

- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: L595xW595xH38mm - Trọng lượng: 2kg
- Quang thông: 3900lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ: 25.000 giờ

1.490.000



Ánh sáng trắng 6500K

NNFC7036188 (Hiệu suất cao)

- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: L595xW595xH38mm - Trọng lượng: 2kg
- Quang thông: 4400lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ: 25.000 giờ

1.590.000



Ánh sáng trắng 6500K

NNFC7036888

- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: L1195xW595xH38mm - Trọng lượng: 3kg
- Quang thông: 4500lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ: 25.000 giờ

3.100.000

LED DOWNLIGHT GLOBAL SERIES

Downlight LED tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ



Công suất 5W - 220V, Ø95mm/H: 68mm

NNP71259 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

240.000

Công suất 8W - 220V, Ø95mm/H: 68mm

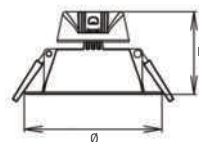
NNP72249 - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K

276.000

Công suất 12W - 220V, Ø125mm/H: 78mm

NNP73349 - 960lm - Ánh sáng vàng 3000K

376.000



LED DOWNLIGHT PANEL TRÒN

Downlight Panel tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ



Công suất 6W-220V, Ø105mm/H: 21mm

NNP712563 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP712663 - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K

245.000

Công suất 8W-220V, Ø105mm/H: 21mm

NNP722563 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K

280.000

Công suất 12W-220V, Ø155mm/H: 21mm

NNP735563 - 850lm - Ánh sáng vàng 3000K

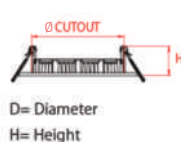
379.000

Công suất 15W-220V, Ø170mm/H: 21mm

NNP745563 - 1080lm - Ánh sáng vàng 3000K

NNP745663 - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500K

479.000



Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG KHÁCH



	SCENE	Ánh sáng chính	Ánh sáng gián tiếp	Đèn rọi
BÌNH THƯỜNG		Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000-6500K	—	—
THƯ GIÃN		Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000K	TỐI ĐA Màu sắc 3000K	Độ sáng 4 Mức độ Màu sắc 3000K
RẠP HÁT		—	Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000K	Độ sáng 4 Mức độ Màu sắc 3000K
GIA ĐÌNH		Độ sáng 100-5% Màu sắc 3000-6500K	TỐI ĐA Màu sắc 3000K	Độ sáng 4 Mức độ Màu sắc 3000K



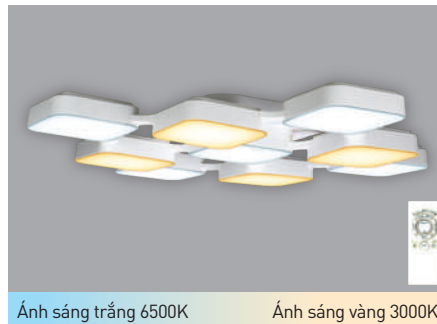
Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ502288

- Diện tích chiếu sáng: 18-22m²
- Công suất 79W/0.37A/AC220-240V
- Kích thước: Ø800mm/H160mm - Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 5000lm - 63.3lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc

19.320.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ504988

- Diện tích chiếu sáng: 16-20m²
- Công suất 68W/0.31A/AC220-240V
- Kích thước: L900xW734xH104mm - Trọng lượng: 8.6kg
- Quang thông: 5000lm - 73.5lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

15.850.000



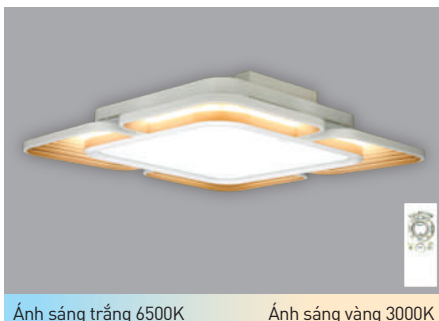
Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 2700K

HH-LAZ317588

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L820xW820xH97mm - Trọng lượng: 7.7kg
- Quang thông: 3800lm - 79lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc, viền nhựa trong

11.570.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ317988

- Diện tích chiếu sáng: 12-16m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L600xW600xH129mm - Trọng lượng: 5.36kg
- Quang thông: 2500lm - 52lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền nhựa vân hình cánh hoa

10.990.000



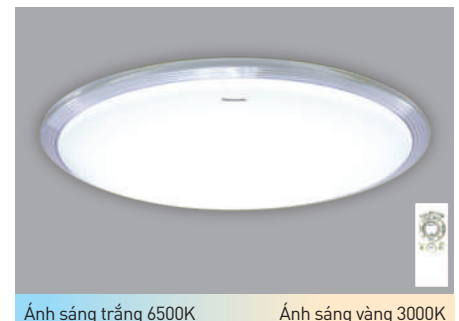
Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ550088 & HKC306988

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø680mm/H112mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - 83lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kép trắng

7.900.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ550088 & HKC311788

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø680mm/H112mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền trắng trong

7.100.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG KHÁCH



HH-LMZ100988

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 61W (36W đèn + 25W quạt)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø594xH158mm
- Trọng lượng: 4.3kg
- Quang thông: 2600lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa

15.740.000

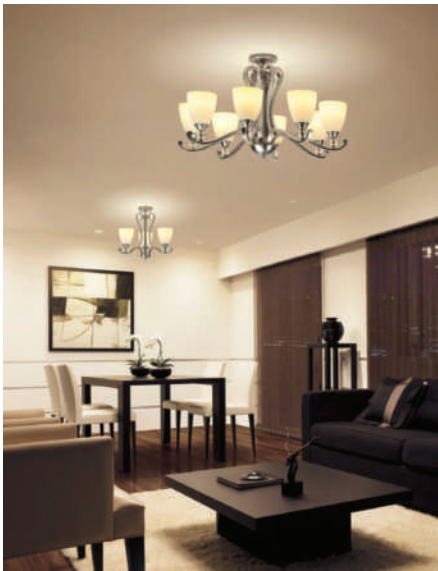


HH-LAZ167088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø607mm/H99mm
- Trọng lượng: 5kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc

5.780.000

ĐÈN TRANG TRÍ



HH-LM800388

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø808mm/H480mm
- Trọng lượng: 12.45kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x8
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

15.970.000

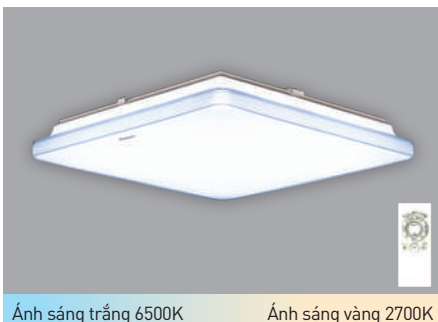


HH-LM500388

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø625mm/H465mm
- Trọng lượng: 8.95kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x5
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

9.960.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG NGỦ



HH-XQ254088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/AC220-240V
- Kích thước: L470xW470xH113mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng công tắc đổi màu 2700K-5000K-6500K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền vân trong

2.600.000



HH-XZ351888

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø555xH170mm
- Trọng lượng: 3.3kg
- Quang thông: 2400lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa

3.900.000



HH-XZ352888

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø550xH100mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 2400lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa, khung đèn kim loại màu trắng

4.720.000

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG NGỦ



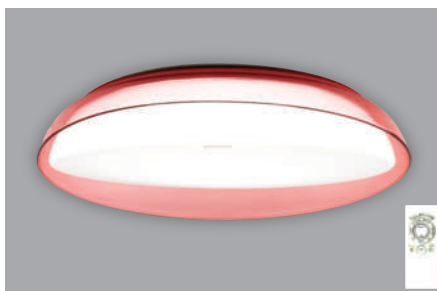
Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ181488

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm/H80mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại trắng hoa tuyết

3.950.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ175088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø512mm/H108mm
- Trọng lượng: 3kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung nhựa màu hồng

5.630.000



Ánh sáng trắng 5000K

HH-LA1638DB88

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L490xW490xH112.5mm
- Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, góc viền trang trí nhựa sơn ánh kim

3.600.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO LỐI ĐI, PHÒNG TẮM, HÀNH LANG, BAN CÔNG

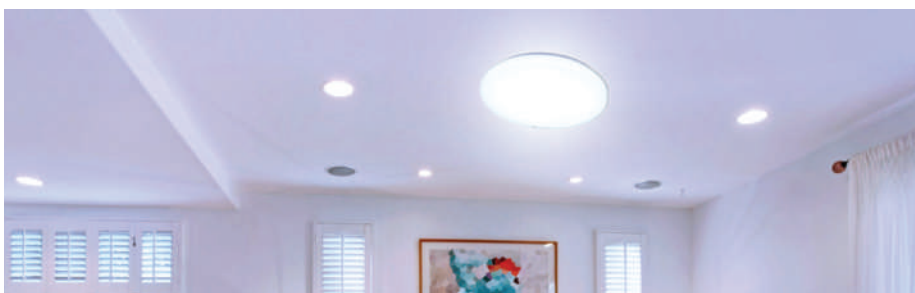


HH-XQ140188 - Ánh sáng trung tính 4000K

HH-XQ140288 - Ánh sáng trắng 6500K

- Diện tích chiếu sáng: 4-8 m²
- Công suất 12W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước lỗ: Ø265mm
- Quang thông: 830lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Sử dụng cho lối đi, hành lang, ban công

540.000



HH-XQ240188 - Ánh sáng trung tính 4000K

HH-XQ240288 - Ánh sáng trắng 6500K

- Diện tích chiếu sáng: 6-10 m²
- Công suất 18W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước lỗ: Ø340mm
- Quang thông: 1200lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Sử dụng cho lối đi, hành lang, ban công

640.000

HH-XQ240388 - Ánh sáng trung tính 4000K

HH-XQ240488 - Ánh sáng trắng 6500K

- Diện tích chiếu sáng: 8-12 m²
- Công suất 24W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước lỗ: Ø430mm
- Quang thông: 1600lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Sử dụng cho lối đi, hành lang, ban công

740.000

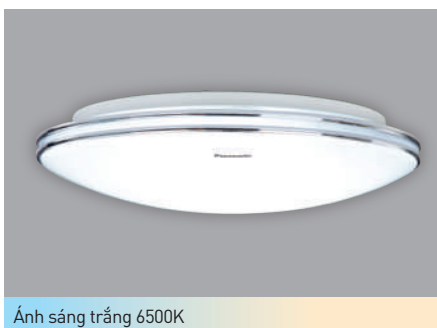


Ánh sáng trắng 6500K

HH-LA0606CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: 209XW209XH68.5mm
- Trọng lượng: 0.67kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

1.060.000



Ánh sáng trắng 6500K

HH-LA1038CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-8m²
- Công suất 11W/0.1A/AC220-240V
- Kích thước: Ø317mm/H80mm
- Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 1000lm - 90.9lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền màu bạc

1.760.000



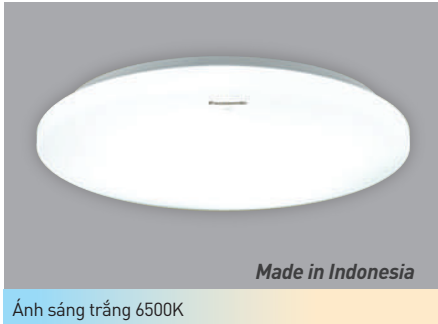
Ánh sáng trắng 6500K

HH-LA0417CB88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất 5W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø200mm/H80mm
- Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 350lm - 70lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

570.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG TẮM, BAN CÔNG



NNP52600

1.100.000

- Diện tích chiếu sáng: 4-8m²
- Công suất: 15W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø300mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1127lm - 82.31lm/W - CRI: Ra80

NNP52700

1.415.000

- Diện tích chiếu sáng: 4-10m²
- Công suất: 20W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø400mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1502lm - 78.21lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Sản xuất tại Indonesia



HH-LA0619CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất: 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: Ø258mm/H68.5mm
- Trọng lượng: 0.73kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Độ kín nước IP64

1.340.000

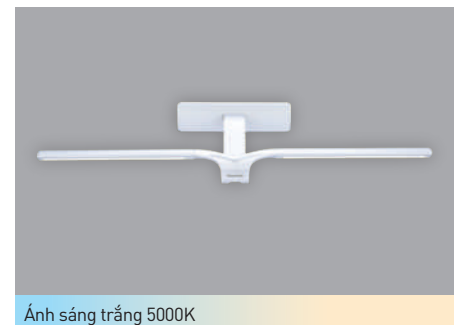
ĐÈN CHIẾU GƯƠNG LED



HH-LW0412488

- Công suất: 9W/ AC220-240V
- Kích thước: L675xW230xH205mm
- Trọng lượng: 1.3kg
- Quang thông: 700lm - Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa

1.900.000



HH-LW0512388

- Công suất: 10W/0.09A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L585xW230xH125mm
- Trọng lượng: 0.67kg
- Quang thông: 700lm - Ra85
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Kim loại màu bạc, chóa đèn bằng nhựa

1.990.000

ĐÈN TREO BÀN ĂN



HH-LB3090888

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø493mm
- Trọng lượng: 5kg
- Tầm treo 1,100mm - 1,200mm
- Chất liệu: Đế đèn kim loại, chóa đèn thủy tinh

5.530.000



HH-LM101888

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm
- Trọng lượng: 3.1kg
- Tầm treo 400mm-1,960mm
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

4.620.000



HH-LB1050388

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø390mm
- Trọng lượng: 2.2kg
- Tầm treo 1,100mm-1,200mm
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

2.240.000

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN THẢ

NEW



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB1051288

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- Kích thước: W610xL270xH380mm
- Trọng lượng: 3,9kg
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu đen

3.500.000



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LB1090388 (Màu trắng)
HH-LB1090588 (Màu đỏ)

- Công suất: 17W/0.137A/AC220-240V
- Kích thước: Ø140mm/H30mm
- Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1000lm - 58.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic

5.910.000

NEW



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LW250588

- Công suất: 21W/AC220-240V
- Kích thước: Ø670mm/H178mm
- Trọng lượng: 3.7kg
- Quang thông: 1,500lm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa, chụp ngoài bằng kim loại

4.700.000



Ánh sáng vàng 2700K

HH-LB1050188 (Màu trắng)

HH-LB1050288 (Màu đỏ)

- Công suất: 8W/0.13A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H110mm
- Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1000lm - 56lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic, chụp ngoài bằng kim loại

5.610.000



Ánh sáng trắng 5000K

HH-LA202988

- Công suất 32W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: Ø558mm
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 900mm - 1,200mm
- Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 2,550lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong

6.910.000



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LB1150188

- Công suất: 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L540xW540xH104mm
- Trọng lượng: 6.2kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Tầm treo 400mm-1960mm
- Chất liệu: Nhựa màu trắng sữa

13.310.000

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM

NEW



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LA606188

- Thích hợp cho phòng khách, phòng ăn
- Công suất 64W/0.36A/AC220-240V
- Kích thước: Ø787mm / Trọng lượng: 10.5kg
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 400mm - 700mm
- Quang thông: 5100lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Dùng công tắc lắp tường để điều chỉnh độ chiếu sáng (bật 6 đèn/ bật 3 đèn trắng/ bật 3 đèn vàng)
- Chất liệu: Nhựa trong

13.850.000

NNNC7601288 (Màu trắng - Ánh sáng vàng 3000K)

NNNC7606288 (Màu trắng - Ánh sáng trắng 6500K)

NNNC7601388 (Màu đen - Ánh sáng vàng 3000K)

NNNC7606388 (Màu đen - Ánh sáng trắng 6500K)

- Công suất 7W
- CRI: Ra80
- Kích thước: L144xW95xH68mm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Xoay góc chiếu 180 độ
- Chụp đèn sơn tĩnh điện

490.000

NEW



RAIL-2-10-W88/B88

Thanh ray gắn đèn chiếu điểm
220-230V 6A/1m, màu trắng/đen

490.000

CON-2-180-W88/B88

Đầu nối chữ L trắng/đen

160.000

CON-2-90-W88/B88

Đầu nối chữ L trắng/đen

190.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN TƯỜNG TRANG TRÍ



Ánh sáng vàng 3000K

HH-BW050088

- Công suất 6W
- Kích thước: L315xW155xH115mm
- Quang thông: 360lm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng sữa

1.800.000

Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LW60105K88

(Ánh sáng trắng 6500K)

HH-LW60205K88

(Ánh sáng vàng 3000K)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L168xW168xH96mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vuông xám khói

1.195.000

Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

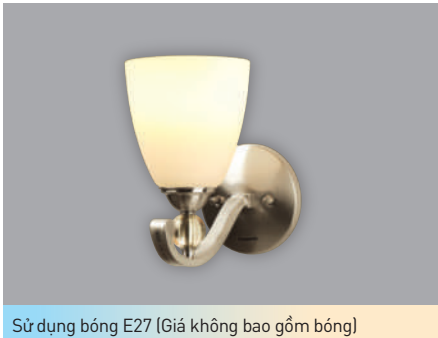
HH-LW60107K88

(Ánh sáng trắng 6500K)

HH-LW60207K88

(Ánh sáng vàng 3000K)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L168xW168xH96mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vuông trắng nhám

1.195.000

Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM100388

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11Www)/AC220-240V
- Kích thước: Ø134mm/H226mm
- Trọng lượng: 1.95kg
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

1.650.000

Ánh sáng trắng 5000K

HH-LW100088

- Công suất 5W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø240mm - Trọng lượng: 1.5 kg
- Quang thông: 340lm - 70lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong

1.970.000

*Thiết kế tinh tế
phù hợp với mọi góc phòng*

ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

NEW**CRI: Ra80 - Tuổi thọ: 25,000 giờ****Chất liệu: Kính cường lực và hợp kim nhôm ADC12****Công suất 10W - 220V**

Kích thước: L114xW30xH109mm

NNYC2011188 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K**NNYC2016188** - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K**250.000****Công suất 20W - 220V**

Kích thước: L138xW30xH127mm

NNYC2011288 - 1800lm - Ánh sáng vàng 3000K**NNYC2016288** - 1800lm - Ánh sáng trắng 6500K**350.000****Công suất 30W - 220V**

Kích thước: L167xW31xH162mm

NNYC2011388 - 2700lm - Ánh sáng vàng 3000K**NNYC2016388** - 2700lm - Ánh sáng trắng 6500K**540.000****Công suất 50W - 220V**

Kích thước: L197xW35xH174mm

NNYC2011588 - 4500lm - Ánh sáng vàng 3000K**NNYC2016588** - 4500lm - Ánh sáng trắng 6500K**790.000**

**Bền hơn với
kính cường lực**



ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0421 (Trắng)

- Công suất: 7.5W/AC220-240V
- Kích thước: L175xW175xH470mm
- Nhiệt độ màu: Ánh sáng trung tính 4000K
- Điều chỉnh sáng 6 cấp độ

1.850.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0523 (Trắng)

- Công suất: 17W/AC220-240V
- Kích thước: L176xW188xH418mm
- Nhiệt độ màu: Ánh sáng trung tính 4000K
- Điều chỉnh sáng 6 cấp độ

2.950.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0623

- Công suất: 19W/AC220-240V
- Kích thước: L200xW200xH430mm
- Quang thông: 800lm
- Cảm ứng điều chỉnh độ sáng
- Chip LED RG0 loại bỏ ánh sáng xanh
- Nhiều chế độ chiếu sáng tích hợp
- CRI: Ra90

3.950.000

Tiêu chuẩn **JIS A/AA** hàng đầu Nhật Bản

JIS: Japanese Industrial Standard



JIS A/AA là tiêu chuẩn hàng đầu Nhật Bản với sự kết hợp gồm nhiều yếu tố về độ sáng tiêu chuẩn, phân bố ánh sáng tỏa đều, màu sắc chân thực và chống bức xạ mắt. Tạo điều kiện ánh sáng lý tưởng cho mắt tập trung học tập và làm việc.



Bạn có biết về tiêu chuẩn AA?

Các nhà nghiên cứu đã chứng minh được rằng sự kết hợp giữa độ sáng 500lx và nhiệt độ màu từ 5000K là điều kiện lý tưởng để học tập và làm việc, cũng điều kiện chiếu sáng cực tốt 50cm, dưới điều kiện này, mắt bạn sẽ có những trải nghiệm tốt nhờ ít mỏi mắt và độ tập trung cao hơn.



Ánh sáng trung tính 5000K

NNP61922 (Xanh)
NNP61923 (Bạc)
NNP61925 (Xám)

- Công suất: 6W/AC220-240V
- Kích thước: L436xW160xH160mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 6 cấp độ
- Loại bỏ ánh sáng xanh gây hại mắt
- Đầu đèn có thể xoay được 90 độ

1.780.000



Ánh sáng trắng 6500K Ánh sáng vàng 2700K

NNP63933 (Bạc)
NNP63934 (Vàng)
NNP63935 (Xám)

- Công suất: 14W (thấp sáng 9W/sạc điện 5W)/AC220-240V
- Kích thước: L210xW140xH480mm - Trọng lượng: 1.46kg
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Loại bỏ ánh sáng xanh gây hại mắt
- Cổng USB có thể sử dụng để sạc cho thiết bị điện tử

2.950.000



Ánh sáng trắng 5000K Ánh sáng vàng 2700K

SQ - LE530K - N (Vàng đồng)
SQ - LE530K - W (Trắng)

- Công suất: 7W/AC100-240V
- Kích thước: W66 (cần đèn) x H314mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm (2700K) 350lm (5000K) - CRI: Ra83
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 5 cấp độ
- Đổi màu đèn LED bằng cách đóng hoặc mở cần đèn

3.850.000

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT062919 (Đen)
HH-LT062819 (Trắng)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

880.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT033619

- Công suất: 4.7W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 100lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Hộp chân đèn thích hợp nhiều công năng sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT023219

- Công suất: 3.7W/0.06A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L120xW83xH475mm - Trọng lượng: 0.3 kg
- Quang thông: 100lm - 27 lm/W - CRI: Ra80
- 3 mức điều chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Chân đèn có kẹp thích hợp cho nhiều vị trí sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000



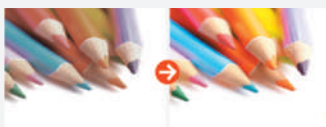
ÁNH SÁNG ĐỒNG NHẤT

Loại bỏ hiện tượng bóng nhòa bảo vệ đôi mắt sáng



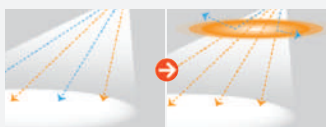
ÁNH SÁNG TỎA ĐỀU

Phân bố ánh sáng lan tỏa của Panasonic có bán kính đến 50cm chiếu sáng nhẹ nhàng và tỏa đều



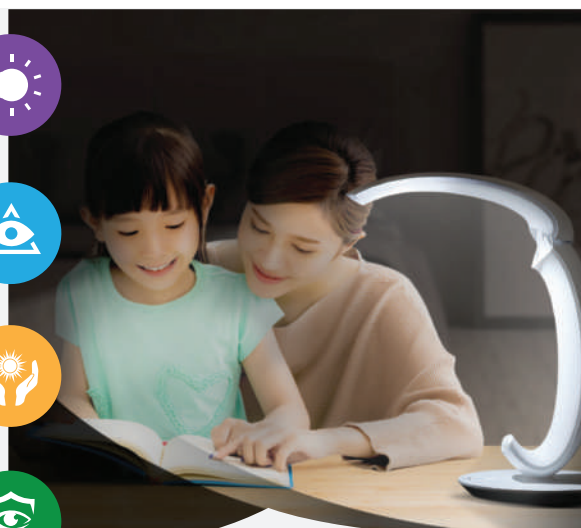
ÁNH SÁNG TỰ NHIÊN

Công nghệ loại bỏ ánh xanh, tạo ánh sáng tiêu chuẩn R80 gần với ánh sáng tự nhiên nhất



CHỐNG MỎI MẮT

Với mục tiêu hướng đến khách hàng, Panasonic đã kết hợp công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh cùng với màn bảo vệ cho đôi mắt sáng toàn diện.



Đạt tiêu chuẩn



hàng đầu Nhật Bản



Ánh sáng trắng 5700K

NNP60900 (Trắng)
NNP60902 (Xanh)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L325xW280xH150mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

960.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT062019

- Công suất: 6W/0.05A/AC220-240V
- Kích thước: L177xW177xH468mm - Trọng lượng: 0.86kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng (10% - 100%) bằng cảm ứng
- Đầu đèn có thể xoay 180°, thân đèn gập 45°

1.320.000



Ánh sáng trung tính 5000K

HH-LT0220P19 (Trắng)
HH-LT0221P19 (Đen)
HH-LT0222P19 (Hồng)

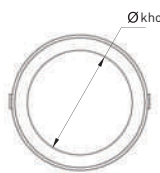
- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L160xW147xH370mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

1.400.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

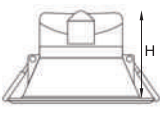
LED DOWNLIGHT - Tuổi thọ 25,000 giờ - CRI: Ra80

Đèn LED Downlight dày đổi màu - Góc chiếu 90°



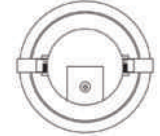
NDL05C Công suất 5W - 220V
 Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
 Quang thông: 430lm - 460lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

296.000



NDL08C Công suất 8W - 220V
 Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
 Quang thông: 730lm - 780lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

315.000



NDL12C Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
 Quang thông: 1120lm - 1200lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

440.000



NDL14C Công suất 14W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
 Quang thông: 1300lm - 1400lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

480.000



Công suất 5W - 220V
 Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL0539 - 430lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL0549 - 460lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL0569 - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

220.000



Công suất 8W - 220V
 Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL083 - 730lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL084 - 780lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL086 - 780lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

233.000

Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL123 - 1120lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL124 - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL126 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

334.000

Công suất 14W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL143 - 1240lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL144 - 1330lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL146 - 1330lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng

350.000

LED SLIM DOWNLIGHT - Tuổi thọ 25,000 giờ - CRI: Ra80

Đèn LED Downlight siêu mỏng cảm biến - Góc chiếu: 120°

* Đèn tự động bật khi trời tối và có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến



NSD096S Công suất 9W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
 Ánh sáng trắng 6500K / Quang thông: 630lm
 Đóng gói: 30 cái/thùng

395.000



NSD126S Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
 Ánh sáng trắng 6500K / Quang thông: 840lm
 Đóng gói: 24 cái/thùng

430.000



* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

NSD093S Công suất 9W - 220V/50Hz - 60Hz
 Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
 Ánh sáng vàng 3000K / Quang thông: 630lm
 Đóng gói: 30 cái/thùng

395.000

NSD123S Công suất 12W - 220V/50Hz - 60Hz
 Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
 Ánh sáng vàng 3000K / Quang thông: 840lm
 Đóng gói: 24 cái/thùng

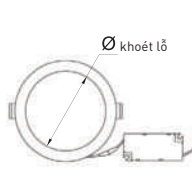
430.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng đổi màu - Góc chiếu: 120°



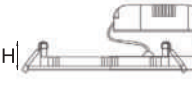
NSD06C1 Công suất 6W - 220V
 Kích thước: Ø120mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm
 Quang thông: 420lm - 462lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 36 cái/thùng

185.000



NSD09C1 Công suất 9W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
 Quang thông: 630lm - 693lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 30 cái/thùng

270.000



NSD12C1 Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
 Quang thông: 824lm - 840lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 24 cái/thùng

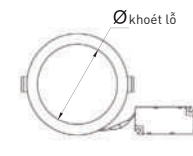
320.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng - Góc chiếu: 120°



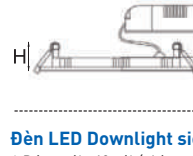
Công suất 6W - 220V
 Kích thước: Ø120mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm
NSD0631 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0641 - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0661 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 36 cái/thùng

164.000



Công suất 9W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
NSD0931 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0941 - 620lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0961 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 30 cái/thùng

198.000



Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
NSD1231 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD1241 - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD1261 - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 24 cái/thùng

240.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng - Góc chiếu: 120°

* Đóng gói: 40 cái / thùng

Mã số	Công suất (W)	Kích thước (mm)	Kích thước khoét lỗ (mm)	Ánh sáng	Đổi màu	
NSD12C	12W	Ø174 H:30	Ø160 H:30		•	320.000
NSD124	12W	Ø174 H:30	Ø160 H:30	Trung tính		240.000
NSD126	12W	Ø174 H:30	Ø160 H:30	Trắng		240.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng - Góc chiếu: 120°

* Đóng gói: 40 cái / thùng

Mã số	Công suất (W)	Kích thước (mm)	Kích thước khoét lỗ (mm)	Ánh sáng	
NSD094	9W	Ø145 H:30	Ø135 H:30	Trung tính	198.000
NSD063	6W	Ø120 H:30	Ø110 H:30	Vàng	164.000
NSD093	9W	Ø145 H:30	Ø135 H:30	Vàng	198.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

Góc chiếu 120°
Chất liệu: Nhựa PC

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

Công suất 7W - 220V
Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 45mm
NED073 - 560lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED074 - 560lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED076 - 560lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

150.000

Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 45mm
NED093 - 666lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED094 - 666lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED096 - 666lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

172.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø140mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 45mm
NED123 - 980lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED124 - 980lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED126 - 980lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

199.000

Công suất 15W - 220V
Kích thước: Ø170mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø145mm/H: 45mm
NED153 - 1250lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED154 - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED156 - 1250lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

252.000



ĐÈN LED DOWNLIGHT - ECO SERIES

Tuổi thọ 15,000 giờ - CRI: Ra80

Góc chiếu 120°
Chất liệu: Nhựa PC

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

Công suất 18W - 220V
Kích thước: Ø170mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø145mm/H: 45mm
NED183 - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED184 - 1500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED186 - 1500lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

275.000

Công suất 24W - 220V
Kích thước: Ø220mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø195mm/H: 45mm
NED243 - 2100lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED244 - 2100lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED246 - 2100lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

372.000



BÓNG LED BULB TRỤ E27

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ - Góc chiếu 280°
Chất liệu: Chóa nhựa trắng, thân đèn nhôm bạc nhựa



Công suất: 20W - 220V
Kích thước: Ø70mm/H123mm
NLB203 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

140.000

Công suất: 30W - 220V
Kích thước: Ø80mm/H141mm
NLB303 - 2400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

186.000

Công suất: 40W - 220V
Kích thước: Ø100mm/H168mm
NLB403 - 3200lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB404 - 3200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB406 - 3200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 12 cái/thùng

260.000

Công suất: 50W - 220V
Kích thước: Ø118mm/H194mm
NLB503 - 4000lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 12 cái/thùng

360.000

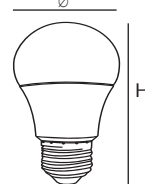
Công suất: 60W - 220V
Kích thước: Ø138/H222mm
NLB603 - 4800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB604 - 4800lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB606 - 4800lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 6 cái/thùng

450.000



BÓNG LED BULB CÔNG SUẤT NHỎ E27

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ - Góc chiếu 280°
Chất liệu: nhựa PC



Công suất: 3W - 220V
Kích thước: Ø45mm/H86mm
NLB033 - 250lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB036 - 250lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

49.500

Công suất: 5W - 220V
Kích thước: Ø55mm/H101mm
NLB053 - 450lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB056 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

57.000

Công suất: 7W - 220V
Kích thước: Ø55mm/H116mm
NLB073 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB076 - 600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

62.000

Công suất: 9W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H116mm
NLB093 - 806lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB096 - 806lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

74.000

Công suất: 11W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H116mm
NLB113 - 1055lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB116 - 1055lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

84.000

Công suất: 14W - 220V
Kích thước: Ø70mm/H135mm
NLB143 - 1521lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB146 - 1521lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

118.000



(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

LED EXIT - Đèn thoát hiểm LED

NEW



NEX2108C - Đèn thoát hiểm LED

- Công suất: 5.5W/AC220-240V/50Hz-60Hz, 0.05A
- Kích thước: 290mm x 182mm x 42mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Pin: Lithium 3.2V/1.5Ah
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Độ rọi: 500 cd/m² - Nguồn sáng: SMD LED WHITE - 6500K
- Khoảng cách nhìn thấy: 24m
- Cấp độ bảo vệ: IP20
- Chất liệu: Nhựa PC
- Đóng gói: 12 cái/ thùng
- Không bao gồm hình chỉ hướng

466.000

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

Sản phẩm dùng kèm đèn LED thoát hiểm

Hình chỉ hướng

	NEXF-L (1 mặt trái)	14.000		NEXF-TL (1 mặt toilet trái)	14.000
	NEXF-R (1 mặt phải)	14.000		NEXF-TR (1 mặt toilet phải)	14.000
	NEXF-D (1 mặt xuống)	14.000		NEXF-TD (1 mặt toilet xuống)	14.000
	NEXF-U (1 mặt lên)	14.000		NEXF-TU (1 mặt toilet lên)	14.000
	NEXF-LR (1 mặt trái & phải)	14.000		NEXF-E (Đèn báo Exit)	14.000

Bộ phụ kiện gắn tường



NEXA-W
Gồm 2 bộ pát gắn tường

10.000

Bộ phụ kiện gắn treo trần



NEXA-C
Gồm 2 bộ dây treo trần

40.000

LED EMERGENCY - Đèn chiếu sáng khẩn cấp LED

NEW

NEM2135 - Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp

- Công suất: 3.5W/AC220-240V/50Hz-60Hz
- Công suất dự trữ: 2.5W
- Kích thước: 280mm x 280mm x 78mm - Trọng lượng: 1kg
- Pin: Lithium 3.7V/2.2A
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: 180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

490.000



* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

NEW

LED HIGHBAY - Đèn nhà xưởng LED

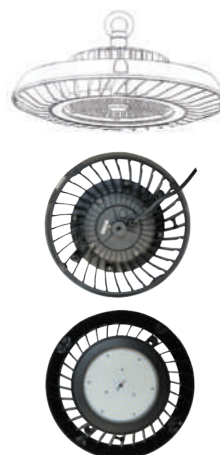
Kích thước: Ø330mm/H: 125mm
IP65, 100 - 240V 50/60Hz
Ánh sáng trắng 5700K
Đóng gói: 1 cái/thùng

NHB0906 - 10800lm - Công suất 90W	3.900.000
NHB1206 - 14400lm - Công suất 120W	4.320.000
NHB1506 - 18000lm - Công suất 150W	4.700.000

Kích thước: Ø400mm/H: 141mm
IP65, 100 - 240V 50/60Hz
Ánh sáng trắng 5700K
Đóng gói: 1 cái/thùng

NHB1806 - 21600lm - Công suất 180W	5.850.000
NHB2106 - 25200lm - Công suất 210W	6.200.000
NHB2406 - 28800lm - Công suất 240W	6.600.000

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020



ĐÈN LED PANEL ỐP TRẦN NỔI

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco



Đèn Panel ốp trần nổi loại vuông
CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°
Tuổi thọ 25,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 12W - 220V
Kích thước: L162xW162xH30mm
NPL123S - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL124S - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL126S - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

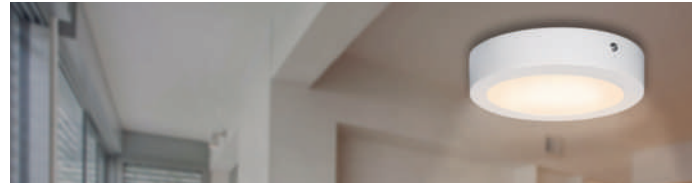
370.000

Công suất: 18W - 220V
Kích thước: L213xW213xH30mm
NPL183S - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL184S - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL186S - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

480.000

Công suất: 24W - 220V
Kích thước: L288xW288xH32mm
NPL243S - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL244S - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL246S - 1850lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

699.000



Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn
CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°
Tuổi thọ 25,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 6W - 220V
Kích thước: Ø118mm/H: 30mm
NPL063R - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL064R - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL066R - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

248.000

Công suất: 12W - 220V
Kích thước: Ø164mm/H: 30mm
NPL123R - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL124R - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL126R - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

350.000

Công suất: 18W - 220V
Kích thước: Ø214mm/H: 30mm
NPL183R - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL184R - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL186R - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

407.000

Công suất: 24W - 220V
Kích thước: Ø288mm/H: 32mm
NPL243R - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL244R - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL246R - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

640.000



ĐÈN LED PANEL OFFICE

Đèn Panel Office ốp trần loại tấm
CRI: Ra80 - Tuổi thọ 30,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 18W - 220V
Kích thước: L295xW295xH8.8mm
NPL30303 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL30304 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL30306 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

565.000

Công suất: 24W - 220V
Kích thước: L295xW595xH8.8mm
NPL30603 - 2100lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL30604 - 2100lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL30606 - 2100lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 5 cái/thùng

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

655.000

Công suất: 40W - 220V
Kích thước: L595xW595xH8.8mm
NPL60603 - 3600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL60604 - 3600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL60606 - 3600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 5 cái/thùng

900.000

Công suất: 40W - 220V
Kích thước: L295xW1195xH9.4mm
NPL30123 - 3600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL30124 - 3600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL30126 - 3600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 5 cái/thùng

980.000

Công suất: 60W - 220V
Kích thước: L595xW1195xH9.4mm
NPL60123 - 5400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL60124 - 5400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL60126 - 5400lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 4 cái/thùng

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

2.350.000



PHỤ KIỆN DÙNG CHO PANEL OFFICE



NPL-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần

27.000



NPL-H4
Bộ 4 dây đèn gắn treo trần

44.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ - Góc chiếu 110°

Chất liệu: Thân đèn kim loại, chóa đèn mica



Công suất 10W - 220V

Kích thước: L117xW27xH138mm/ Trọng lượng: 0.29kg

NLF1103 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1104 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1106 - 800lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 12 cái/thùng

220.000

Công suất 20W - 220V

Kích thước: L134xW27xH159mm/ Trọng lượng: 0.37kg

NLF1203 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 12 cái/thùng

300.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 30,000 giờ - Góc chiếu 110°

Chất liệu: Thân đèn kim loại, chóa đèn mica



Công suất 100W - 220V

Kích thước: L220xW68xH282mm/ Trọng lượng: 1.65kg

NLF1003 - 8500lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1004 - 8500lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1006 - 8500lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 6 cái/thùng

1.490.000



Công suất 30W - 220V

Kích thước: L167xW36xH220mm/ Trọng lượng: 0.65kg

NLF1303 - 2400lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 12 cái/thùng

440.000

Công suất 50W - 220V

Kích thước: L222xW38xH301mm/ Trọng lượng: 1.1kg

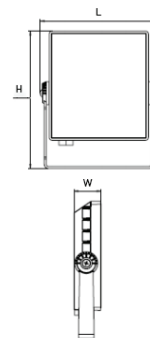
NLF1503 - 4000lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 6 cái/thùng

670.000



ĐÈN BÁN NGUYỆT - Tuổi thọ 30,000 giờ

Chất liệu: Nhựa trắng, viền nhôm

Công suất 18W - 265V - CRI: Ra80

Kích thước: L600xW75xH27mm

NSH183 - 1600lm/ Ánh sáng vàng 3000K

NSH184 - 1600lm/ Ánh sáng trung tính 4000K

NSH186 - 1600lm/ Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

249.000

Công suất 36W - 265V - CRI: Ra80

Kích thước: L1200xW75xH27mm

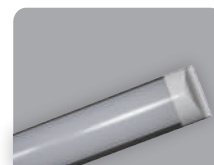
NSH363 - 3000lm/ Ánh sáng vàng 3000K

NSH364 - 3000lm/ Ánh sáng trung tính 4000K

NSH366 - 3000lm/ Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

425.000



ĐÈN LED DÂY



- Điện áp đầu vào: 220V-230V
- Số lượng chip: 120 chip LED/m
- Kích thước: 18x8mm
- Trọng lượng: 9kg
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC Anti-UV
- Tuổi thọ: 30,000 giờ
- Kèm 1 bộ phụ kiện

Công suất 8W/m, 600lm/m

NST1202 - Ánh sáng vàng 2700K

NST1206 - Ánh sáng trắng 6500K

3.760.000

Công suất 9W/m

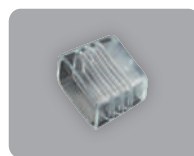
NST120R - Ánh sáng màu đỏ

NST120G - Ánh sáng màu xanh lục

NST120B - Ánh sáng màu xanh dương

4.040.000

Phụ kiện dùng cho LED dây

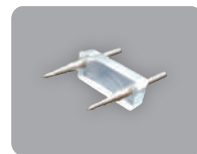


NST-E

Nút bấm - IP44

Đóng gói 50 cái/bịch

1.600

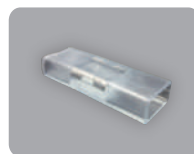


NST-P

Chân cắm nối nguồn

Đóng gói 20 cái/bịch

1.600



NST-MC

Khớp nối giữa - IP44

Đóng gói 10 cái/bịch

11.000



NST-C

Nẹp gắn tường

(Kèm 2 ốc vít)

Đóng gói 20 cái/bịch

1.600



NST-PC

Driver nguồn - IP44 (Max 50m/nguồn)

(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bấm)

Đóng gói 1 cái/bịch

65.000

ĐÈN LED T5/T8 - MĂNG ĐÈN LED T8 - CÁC LOẠI BỘ MĂNG ĐÈN - ĐÈN TRACK LIGHT

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa



Công suất 9W - 220V

NT8T093 - 800lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000

Công suất 9W - 220V

NT8T0931 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T0961 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000

Công suất 22W - 220V

NT8T223 - 2200lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T226 - 2200lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

165.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đôi
Dùng cho bóng LED T8 - 220V

NT8F218N

- Dài 1.2m
- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
- Đóng gói: 25 cái/thùng

79.000



Công suất 18W - 220V

NT8T183 - 1600lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

143.000

Công suất 18W - 220V

NT8T1831 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T1861 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

143.000

MĂNG ĐÈN LED T8



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V

NT8F109N

- Dài 0.6m
- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
- Đóng gói: 25 cái/thùng

50.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V

NT8F118N

- Dài 1.2m
- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
- Đóng gói: 25 cái/thùng

65.000

BỘ MĂNG ĐÈN LED T8



Bộ máng đèn LED Tube T8 loại đơn 9W - 220V

NT8F109N3

- Dài 0.6m
- 1 bóng tuýp T8 9W 900lm - Ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F109N6

- Dài 0.6m
- 1 bóng tuýp T8 9W 900lm - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

149.000



Bộ máng đèn LED Tube T8 loại đơn 18W - 220V

NT8F118N3

- Dài 1.2m
- 1 bóng tuýp T8 18W 1800lm - Ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F118N6

- Dài 1.2m
- 1 bóng tuýp T8 18W 1800lm - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

209.000

MĂNG ĐÈN KÍN NƯỚC LED - IP65



Sử dụng bóng LED Tube T8

N2186WP

- 1800lm - Ánh sáng trắng
- Loại 2 bóng 1.2m (2 x 18W)
- Kích thước: L1270xW102xH155mm
- Đóng gói 1 cái/ hộp, 4 cái/ thùng

938.000

MĂNG ĐÈN BATTEN



Máng đèn Batten đôi 1.2m

NLA42M

- Kích thước: L1227xW100xH85mm
- Đóng gói 8 cái/thùng

295.000



Máng đèn Batten đơn 1.2m

NLA41M

- Kích thước L1227xW55xH80mm
- Đóng gói 8 cái/thùng

195.000

ĐÈN TRACK LIGHT

Đèn Track Light màu trắng

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ - Góc chiếu 38°

Chất liệu: Chóa thủy tinh và thân đèn nhôm bọc nhựa

Công suất: 7W - 220V

Kích thước: Ø60mm/H85mm

NTR073W - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR074W - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR076W - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

399.000



Đèn Track Light màu đen

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ - Góc chiếu 38°

Chất liệu: Chóa thủy tinh và thân đèn nhôm bọc nhựa

Công suất: 7W - 220V

Kích thước: Ø60mm/H85mm

NTR073B - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR074B - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR076B - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

399.000



Công suất: 14W - 220V

Kích thước: Ø85mm/H134mm

NTR143B - 1200lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR144B - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR146B - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

599.000

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN TRẦN



Đèn trần LED

NCL1331 - Ánh sáng vàng 3000K

NCL1331-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 18W/AC200-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm - Trọng lượng: 1.8kg
- Quang thông: 1226lm - CRI: Ra84
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 116°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.680.000



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-73 - Ánh sáng vàng 3000K

NSDL2236-76 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 581lm - CRI: Ra82
- PF: 0.53 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 17°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.210.000



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-203 - Ánh sáng vàng 3000K

NSDL2236-206 - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 20W/AC200-240V
- Kích thước: Ø95mm/H105mm - Trọng lượng: 1.0kg
- Quang thông: 1616lm - CRI: Ra83
- PF: 0.53 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 34°

Ánh sáng trắng 5700K

Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000

ĐÈN GẮN TƯỜNG



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2891 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2891-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L82xW58xH82mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông: 218lm - CRI: Ra85
- PF: 0.9 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám nhạt
- Góc chiếu: 96°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

860.000



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2553 (Màu trắng) - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2553-6 (Màu trắng) - Ánh sáng trắng 6000K

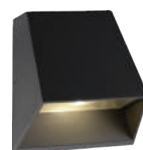
NBL2553S (Màu bạc) - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 9W/AC200-240V
- Kích thước: L109xW63xH173mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 160lm - CRI: Ra80
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng/bạc
- Góc chiếu: 15°/75°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.150.000



NBL2691 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: L125xW63xH125mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 389lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 108°

Ánh sáng vàng 3000K

1.050.000



NBL2721 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L220xW130xH55mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng
- Góc chiếu: 126°

Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000



NBL5705 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 18W (86x0.2W)/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 801lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu đen
- Góc chiếu: 112°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN GẮN TƯỜNG



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2621 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2621-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH145mm - Trọng lượng: 0.84kg
- Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc
- Góc chiếu: 73°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000



NBL2622 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH95mm - Trọng lượng: 0.64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82
- PF: 0.88 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 72°

Ánh sáng vàng 3000K

1.080.000



NBL1291A - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 20W (56x0.64W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L500xW60xH60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1818lm - CRI: Ra84
- PF: 0.92 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng
- Góc chiếu: 107°

Ánh sáng vàng 3000K

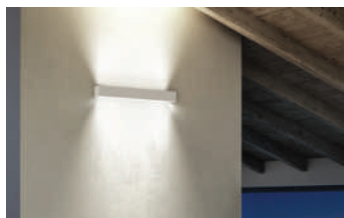
2.370.000

NBL1291 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 36W (56x0.64W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L500xW60xH60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 2156lm - CRI: Ra84
- PF: 0.99 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng
- Góc chiếu: 107°

Ánh sáng vàng 3000K

2.370.000



Sử dụng chóa phụ



Không sử dụng chóa phụ



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2541 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2541-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 12W (2x6W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW111xH115mm - Trọng lượng: 1.7kg
- Quang thông: 1139lm - CRI: Ra81
- PF: 0.90 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu xám
- Góc chiếu: 21°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.720.000



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2851 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2851-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L75xW100xH160mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Quang thông: 995lm - CRI: Ra82
- PF: 0.92 - IP54
- Chất liệu: Inox
- Góc chiếu: 37°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.790.000

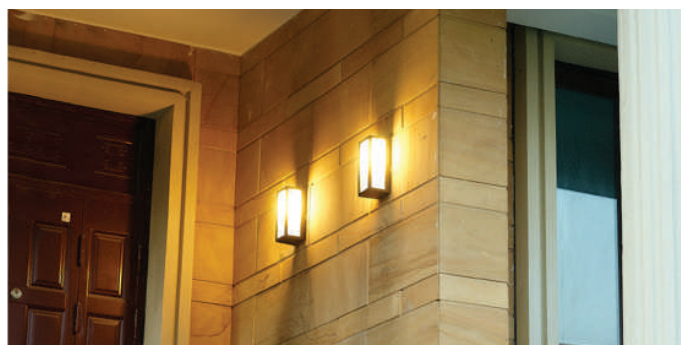


NBL1791 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L222xW165xH282mm - Trọng lượng: 1.6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng
- Góc chiếu: 105°

Ánh sáng vàng 3000K

1.720.000



NBB1466 - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW160xH290mm - Trọng lượng: 2.6kg
- IP54
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Thủy tinh và nhôm đúc màu đen
- Giá không bao gồm bóng

1.510.000

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN SÂN VƯỜN



NBB1463 - Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW140xH350mm - Trọng lượng: 2.5kg
- IP54
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Thủy tinh và nhôm đúc màu đen
- Giá không bao gồm bóng



1.720.000



NGL8434 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 14.62W (86x0.17W)/AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2.9kg
- Quang thông: 461lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu đen
- Góc chiếu: 270°



Ánh sáng vàng 3000K

2.080.000



NGL2723 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L120xW40xH650mm - Trọng lượng: 2.4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 45°



Ánh sáng vàng 3000K

1.790.000



NGL8453 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm - Trọng lượng: 0.95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc
- Góc chiếu: 38°



Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

ĐÈN SPOTLIGHT SÂN VƯỜN

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2745

9W(1x9W Cree) - 518lm - PF: 0.94

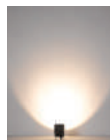
1.370.000

NSP2746

10W(1x10W COB) - 656lm - PF: 0.99

1.290.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L81xW76xH118mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- CRI: Ra83 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chân cắm bằng nhựa
- Góc chiếu: 26°



Ánh sáng vàng 3000K

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1673 - 10W(1x10W) - 613lm

1.510.000

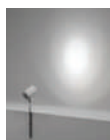
NSP1676 - 15W(1x15W) - 934lm

1.650.000

NSP1679 - 20W(1x20W) - 1283lm

1.720.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W120xH520mm - Trọng lượng: 1.38kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chân cắm bằng nhựa
- Góc chiếu: 41°



Ánh sáng vàng 3000K

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1663 - 10W(1x10W) - 613lm

1.370.000

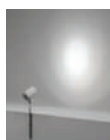
NSP1666 - 15W(1x15W) - 934lm

1.510.000

NSP1669 - 20W(1x20W) - 1283lm

1.580.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W120xH210mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chân cắm bằng nhựa
- Góc chiếu: 41°

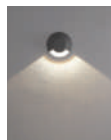


Ánh sáng vàng 3000K



NGL1211 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 110°



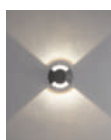
Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000



NGL1212 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 99°



Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000



NGL1214 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 70°



Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN SÂN VƯỜN



NGL2642 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L125xW125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 24°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000



NGL2641 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 24°

Ánh sáng vàng 3000K

1.310.000

ĐÈN LỐI ĐI



NSL1711 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 8.8W (11x0.8W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 472lm - CRI: Ra83
- PF: 0.97 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc
- Góc chiếu: 53°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000



NSL2102 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L40xW40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 20°

Ánh sáng vàng 3000K

610.000



NSL1713 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 4W (5x0.8W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 185lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc
- Góc chiếu: 52°

Ánh sáng vàng 3000K

790.000



NSL2101 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 20°

Ánh sáng vàng 3000K

570.000



NSL1121A - Đèn LED gắn âm tường chiếu chân

- Công suất: 3.6W (12x0.3W)/AC200-240V
- Kích thước: L107xW65xH75mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Kích thước khoét lỗ: L100xW57xH65mm
- Quang thông: 75lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng
- Góc chiếu: 33°

Ánh sáng vàng 3000K

840.000



NSL2781 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xH81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 56°

Ánh sáng vàng 3000K

790.000



NSL2782 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L95xW81xH95mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xH81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 56°

Warm White 3000K

790.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO



GP-129JXX-SV5

(Dây điện 12.5cm)

GP-129JXX-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30m

1.470.000

1.490.000



GP-200JXX-SV5

(Dây điện 12.5cm)

GP-200JXX-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng

1.870.000

1.890.000



GP-250JXX-SV5

(Dây điện 20cm)

GP-250JXX-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng

2.970.000

2.990.000



GP-350JA-SV5

(Dây điện 30cm)

GP-350JA-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 350W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 45m
- Mô tơ dây đồng

4.400.000

4.420.000



Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát



Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm



MÁY BƠM TĂNG ÁP



A-130JAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m

2.110.000



A-200JAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng

2.450.000



A-130JACK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng

2.540.000



A-130JTX

(Tính năng tạo bọt khí)

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 25m
- Mô tơ dây đồng

3.640.000



GA-125FAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Bơm tăng áp mạch điện tử
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Độ cao đẩy tối đa 27m

2.820.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN



Công suất (W)

Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)

Chiều sâu hút (m)

Độ cao hút đẩy tối đa (m)

Mô tơ dây đồng

Giá bán

GP-10HCN1SVN

740W

10-99

9

34-25

●

5.290.000

GP-15HCN1SVN

1110W

30-145

9

38.7-22

●

7.100.000

GP-20HCN1SVN

1480W

30-154

9

46.2-26

●

8.220.000



Máy bơm Panasonic

Công Nghệ NHẬT BẢN

Chất Lượng HÀNG ĐẦU

BÁN CHAY

Số 1

Tại Việt Nam(*)

(*) Theo số liệu khảo sát của GfK thực hiện vào tháng 06/2016 tại 5 thành phố lớn và 10 tỉnh thành tại Việt Nam

HIỆU SUẤT MẠNH MẼ - VẬN HÀNH BỀN BỈ

- Vận hành êm ái, tuổi thọ cao
- Tiết kiệm điện năng
- Tự ngắt nguồn điện khi nhiệt độ bơm quá cao
- Giảm thiểu nguy cơ chập điện

MÁY BƠM ĐẦU JET


NJET750

(Dây điện 20cm)

- Công suất 750W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa 40m
- Mô tơ dây đồng
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút : 32mm
- Đường kính ống xả : 32mm

1.730.000

NCP750

(Dây điện 20cm)

- Công suất 750W
- Lưu lượng nước 90 lít/phút
- Chiều sâu hút 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa 28m
- Mô tơ dây đồng
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút : 32mm
- Đường kính ống xả : 32mm

1.780.000

MÁY BƠM LƯU LƯỢNG



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính ống hút / xả (mm)	Chiều sâu hút (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng	Giá bán
NHF750	750W	300	60/60	8	10	●	●	1.680.000
NHF1100	1100W	340	60/60	8	14	●	●	2.480.000
NHF1500	1500W	370	60/60	8	17	●	●	2.600.000

(Dây điện 20cm)

MÁY BƠM NƯỚC NÓNG TĂNG ÁP ĐIỆN TỬ



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính ống hút / xả (mm)	Chiều sâu hút (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng	Giá bán
NSP128-A	128W	30	32/32	8	25	●	●	1.840.000
NSP200-A	200W	36	32/32	8	28	●	●	2.060.000
NSP300-A	300W	38	32/32	8	30	●	●	2.140.000
NSP400-A	400W	40	32/32	8	32	●	●	2.240.000

(Dây điện 1,8m + phích cắm)

*Bom chịu được nước nóng lên đến 100°C

** Bom có cảm biến dòng chảy

*** Cổ bầu áp lực bằng kim loại


Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm


Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát



Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm



MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Loại 3.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 25°C, loại 4.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 20°C

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RL2VH

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

2.990.000

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RP2VK

- Công suất: 3.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.990.000



DH-4RL1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.300.000



DH-4RP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Bơm bảo hành 5 năm
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.200.000



DH-4MS1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.600.000



DH-4MP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.500.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp



DH-4NS3VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.900.000



DH-4NP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.800.000



DH-4NS3VS

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.100.000



DH-4NP1VS

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

6.000.000

Cho ngày hạnh phúc thêm tròn vẹn

Hãy để mọi giác quan cảm nhận tròn vẹn sự thư thái sau mỗi ngày bận rộn.



DH-4NS3VS

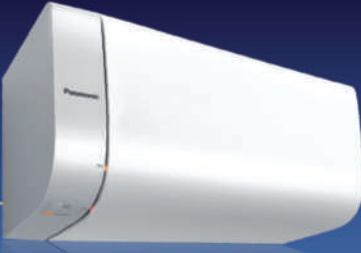


DH-4NTP1VM

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới với vỏ cong thanh lịch, sang trọng
- **Ổn định nhiệt độ nước đầu ra vòi sen**
- Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.900.000

MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP



THẾ HỆ
MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP
HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

AN TOÀN TUYỆT ĐỐI - TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG



HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

- Ruột bình được làm từ thép không gỉ sản xuất tại Nhật Bản
- Không có thanh magie



AN TOÀN TUYỆT ĐỐI

- Vỏ máy được làm từ vật liệu chống cháy
- Chống nước đạt tiêu chuẩn IPX4
- Tích hợp cầu dao chống rò rỉ điện ELB
- Tự động ngắt điện khi nhiệt độ đạt 75°C



TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

- Giữ nhiệt tốt nhờ tấm xốp Styrofoam
- Tiết kiệm điện năng lên đến 10%
- Công nghệ đun nóng cao cấp



THIẾT KẾ NHỎ GỌN

- Lắp đặt dễ dàng với cả không gian nhỏ và chật hẹp

Hiệu suất vượt trội

Không có Thanh Magie

Ruột bình làm từ thép không gỉ*

Vật liệu Sản xuất tại Nhật Bản

7 YEAR WARRANTY

STORAGE TANK

Bảo hành: 7 năm* cho Ruột Bình, 2 năm cho bình điện.

Mã sản phẩm		DH-15HAMVW	DH-20HAMVW	DH-30HAMVW
		4.290.000	4.490.000	4.990.000
Thông số kỹ thuật	Dung tích (lít)	15	20	30
	Điện vào (V)	220	220	220
	Công suất (kW)	2.5	2.5	2.5
	Áp lực nước [tối đa] (Mpa)	0.75	0.75	0.75
	Nhiệt độ cao nhất (°C)	75	75	75
	Thời gian đun sôi [xấp xỉ] (phút)	30	40	60
Thân máy	Màu	Trắng	Trắng	Trắng
	Đèn LED báo nước nóng sẵn sàng	•	•	•
	Trọng lượng tịnh (kg)	7	8	10
	Kích thước [Cao x Rộng x Sâu] (mm)	323x437x310	323x526x310	323x704x310
Chất liệu	Ruột bình	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật
	Thanh đốt	Đồng	Đồng	Đồng
	Chống nước	•	•	•
	Vật liệu cách điện	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam
An toàn	Tích hợp sẵn ELB chống giật	•	•	•
	Tự động ngắt nhiệt	•	•	•
	Ruột bình bằng thép không gỉ	•	•	•
	Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4	IPX4	IPX4
	Cấu trúc cách điện	•	•	•
	Tuân thủ chất liệu không bắt lửa	•	•	•

MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer



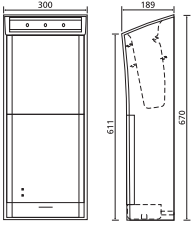
FJ - T10T1

- Giúp sấy khô nhanh trong 3 - 5 giây với chức năng sấy từ 2 mặt bên và 4 vòi phun
- Công suất 1250W
- Thiết kế sang trọng, hiện đại với màn lọc chống dị ứng và lớp vỏ ngoài kháng khuẩn
- Chế độ gió thường và gió nóng
- Có thể chọn tốc độ gió cao và thấp (High/Low), độ ồn 59dB
- Máy sẽ tự động tắt sau 30 giây hoạt động liên tục
- Đèn LED tín hiệu
- Tiết kiệm điện hiệu quả



FJ - T09A3 (Có khay nước)

- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè



19.500.000



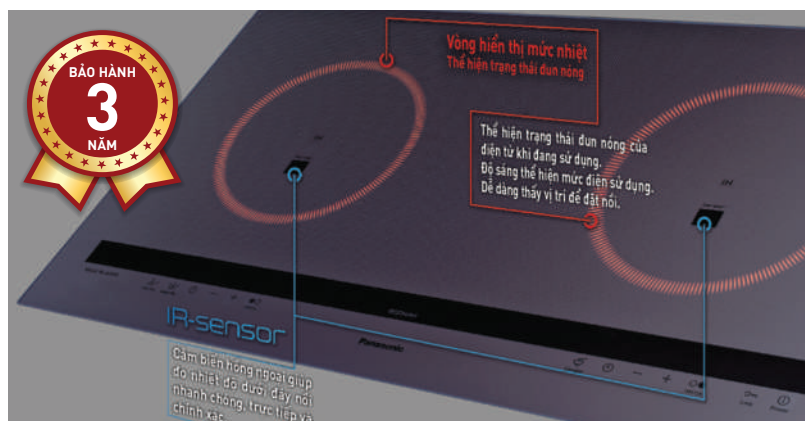
FJ - T09B3 (Không có khay nước)

- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

5.990.000

48

BẾP ĐIỆN TỬ



Mã sản phẩm	KY-C227E 27.500.000	KY-A227E 26.500.000
Màu mặt trên	Xám	Đen
Màu thân	Đen	Đen
Kích thước (mm)	742(R)*400(S)*107(C)	742(R)*400(S)*99(C)
Kích thước cửa lỗ (mm)	710(R)*368(S)	
Điện vào	3,200W - 16A	
Công suất (tối đa)	Trái: 3,200W Phải: 3,200W	Trái: 3,200W Phải: 3,200W
Cấp độ điều chỉnh nhiệt	9	9
Cảm biến hồng ngoại	•	•
Thực đơn nấu tự động	Rán chảo ít dầu/ Rán chảo nhiều dầu	Nấu cháo
Vòng hiển thị mức nhiệt	•	•
Tăng công suất tối đa	-	-
Công nghệ ECONAVI	•	-
Điều khiển	Cảm ứng	Cảm ứng
Hiển thị mức nhiệt	Số	Số
Khóa an toàn	•	•
Đèn báo nhiệt độ cao	•	•
Chế độ tự động tắt	•	•
Hẹn giờ	1 phút đến 9 giờ 30 phút	
Lắp đặt	Lắp âm/Lắp nổi	Lắp âm
Xuất xứ	Nhật Bản	Nhật Bản

MỚI Tính Năng Mới

CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI

Cảm biến hồng ngoại giúp đo nhiệt độ dưới đáy nồi nhanh chóng, trực tiếp và chính xác.

Chảo

Mặt bếp bằng thủy tinh

IR-sensor



Xác định chính xác nhiệt độ dưới đáy nồi nhờ cảm biến hồng ngoại.

ECONAVI



CHÍNH XÁC Chương trình điều khiển tăng nhiệt độ nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu, duy trì ở mức mong muốn.



ỔN ĐỊNH Đem lại màu nâu sậm đồng nhất cho món ăn.

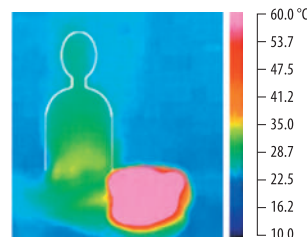


DUY TRÌ Khi thức ăn trong nồi nguội đi, bếp tăng nhiệt nhanh chóng để duy trì nhiệt độ ở mức cần thiết.

Các tính năng an toàn

Dừng làm nóng	- Không có nồi/Không người thao tác: Tắt sau 1 phút - Nồi quá nhỏ: Tắt sau 3 phút - Nồi không có nước: Tắt sau 15 phút - Không hoạt động trong thời gian dài: Tắt sau 45 phút
Công suất làm nóng giảm	- Ngăn chặn quá nhiệt - Công suất làm nóng được giảm tự động khi đáy của dụng cụ nấu quá nóng
Nguồn chính tắt	- Tự động ngắt nguồn - Nguồn chính sẽ tự động tắt nếu hết 1 phút mà không có hoạt động nào
Đèn sáng khi mặt trên nóng	Cảnh báo nhiệt độ cao
Khóa tất cả các hoạt động	Khóa trẻ em

Bếp không bị nóng



Gian bếp không bị nóng vì bếp từ chỉ làm nóng dụng cụ nấu ăn. Và việc không dùng lửa có nghĩa là bạn có thể thoải mái mở cửa sổ và tận hưởng gió mát.



Thiết kế cuộn kép

Cấp điện đồng thời cho cả cuộn trong và cuộn ngoài, giúp tạo nhiệt độ đồng đều và ổn định.

Điều chỉnh nhiệt độ chính xác theo cách nấu ăn



Rán thường

40-230°C



Nút thực đơn nấu tự động



Nấu cháo



Rán ngập dầu

140-200°C



QUẠT HÚT MÙI DÙNG ỐNG DẪN - 02 động cơ

Model	FV-70HQU1-S (màu bạc)	FV-70HQU1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)		140
Lưu lượng gió (CMH)		730
Độ ồn (dB)		53
Đường kính lỗ trần (ø)		15 cm
Cấp tốc độ		2
Kích thước (mm)	700(L) x 120(H) x 535(D)	
Điều khiển bằng	Cần gạt	
2 động cơ	Hoạt động độc lập	

6.900.000

Model	FV-70HQD1-S (màu bạc)	FV-70HQD1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)		140
Lưu lượng gió (CMH)		730
Độ ồn (dB)		53
Đường kính lỗ trần (ø)		15 cm
Cấp tốc độ		3
Kích thước (mm)	700(L) x 120(H) x 535(D)	
Điều khiển bằng	Nút nhấn	
2 động cơ	Hoạt động đồng thời	

7.780.000

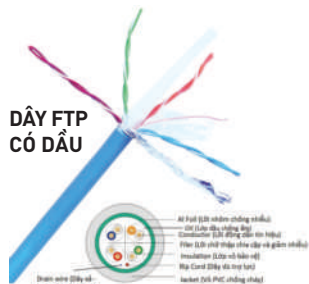
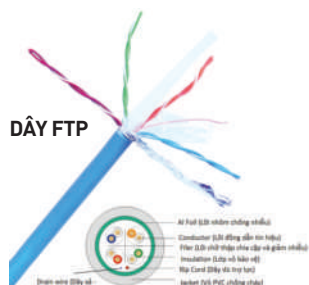
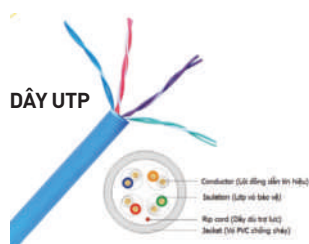


Chiều dài 70cm



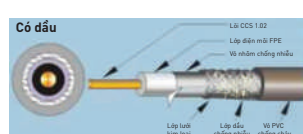
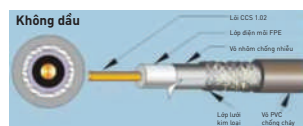
Chiều dài 70cm

DÂY CÁP MẠNG



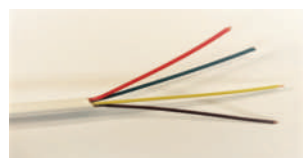
Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây đủ trọng lực	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.51mm 4 Pairs 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.51 CCA	PE 0.91	Có	PVC 5.1	720.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.51 CCA	PE 1.00	Có	PVC 5.1	920.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305 m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	2.500.000
NC5E-F100P	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 24 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.250.000
NC5E-F100 O	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, có dầu, 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	2.950.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.56 mm 4 Pairs 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.56 CCA	PE 1.02	Có	PVC 6	980.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.56 mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 CCA	PE 1.00	Có	PVC 6.6	1.230.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	3.250.000
NC6-F100P	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	4.000.000
NC6-F100 O	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dầu - 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	3.850.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	620.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	650.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - có dầu Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	955.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	0.5 CCA	PVC	PVC	450.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

Xuất xứ: Taiwan



FKPT10	10YDS	60.000/cây
FKPT20	20YDS	107.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG THẲNG

Công nghệ châu Âu TCVN7417-1:2010

IEC61386_1:2008

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386-21:2004 (IEC6138 - 1:2002)

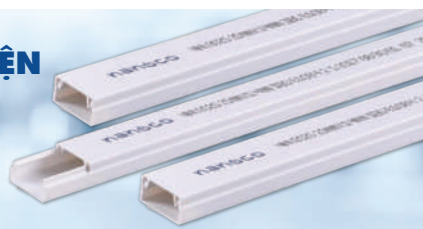


Ống luồn dây điện dạng thẳng

Mã số	Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
FPC16L	Ø16	0.9 ± 0.1	320	50	17.000
FPC20L	Ø20	1.1 ± 0.1	320	50	22.000
FPC25L	Ø25	1.3 ± 0.1	320	25	33.500
FPC32L	Ø32	1.6 ± 0.1	320	20	52.000
FPC16	Ø16	1.4 ± 0.1	750	50	19.000
FPC20	Ø20	1.55 ± 0.1	750	50	25.000
FPC25	Ø25	1.65 ± 0.1	750	25	37.000
FPC32	Ø32	2.0 ± 0.1	750	20	59.000
FPC16H	Ø16	1.6 ± 0.1	1250	50	25.000
FPC20H	Ø20	1.9 ± 0.1	1250	50	33.000
FPC25H	Ø25	2.0 ± 0.1	1250	25	47.000
FPC32H	Ø32	2.2 ± 0.1	1250	20	95.000
FPC40H	Ø40	2.4 ± 0.1	1250	10	125.000
FPC50H	Ø50	2.7 ± 0.1	1250	10	165.000

Ghi chú: Độ dài 2.92m/cây.

NẠP LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG VUÔNG



Nạp luồn dây điện dạng vuông

Mã số	Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	15x9	0.7 ± 0.1	50	7.300
NNV1720	20x10	0.7 ± 0.1	50	9.700
NNV1725	25x14	0.9 ± 0.1	50	15.000
NNV1730	30x16	1.0 ± 0.1	50	19.000
NNV1740	40x18	1.2 ± 0.1	25	28.000
NNV1750	50x35	1.4 ± 0.1	10	63.000

Ghi chú: Độ dài 1.7m/cây.

Khớp nối tròn



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0116	Khớp nối tròn Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 2,000 cái/thùng	800
NPA0120	Khớp nối tròn Ø20 Đóng gói 200 cái/thùng	1.100
NPA0125	Khớp nối tròn Ø25 Đóng gói 100 cái/thùng	1.800
NPA0132	Khớp nối tròn Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.300
FPA0140	Khớp nối tròn Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	6.600
FPA0150	Khớp nối tròn Ø50 Đóng gói 20 cái/bao	8.800

Ống luồn dây điện dạng xoắn

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010

"Ống luồn dây PVC chống cháy, chống dập
PVC flexible resist fire - resist broken"

Màu trắng	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16W	16mm (50m/cuộn)	140.000
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	200.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	250.000

Màu xanh	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	240.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	265.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	260.000

Kẹp ống không đế Omega - Đóng gói 100 cái/bao

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NDI16012	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø20	3.000
NDI16034	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø25	3.500
NDI16100	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø32	5.000
NDI16114	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø40	6.500
NDI16112	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø50	8.000

Đầu giảm

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 Đóng gói 100 cái/bao	1.100
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 Đóng gói 100 cái/bao	1.900
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 Đóng gói 50 cái/bao	3.200
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 Đóng gói 40 cái/bao	6.600
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 Đóng gói 30 cái/bao	8.800

Đầu và khớp nối ren

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 1,200 cái/thùng	2.500
NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói 100 cái/bao, 1,000 cái/thùng	2.800
NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói 50 cái/bao, 500 cái/thùng	3.100
NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.000

Nắp đậy hộp nối tròn

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói 60 cái/bao, 1,500 cái/thùng	1.700
NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.300

*Giá bán đã bao gồm VAT

T nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/bao	6.600
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/bao	9.900
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/bao	13.500

T nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao 1,000 cái/thùng	1.900
NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao 400 cái/thùng	3.700
NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói 25 cái/bao 250 cái/thùng	5.500
NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói 15 cái/bao 150 cái/thùng	7.700
FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói 10 cái/bao	10.000
FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói 10 cái/bao	12.000

Đầu nối ống mềm PVC



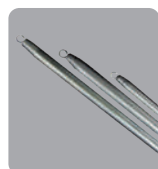
Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói 100 cái/bao	9.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/bao	13.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/bao	18.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/bao	27.000

Kẹp đỡ ống



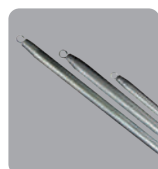
Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	900
NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	1.100
NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao; 2,000 cái/thùng	1.900
NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	2.800
FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	3.900

Lò xo uốn ống 750N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M FLXU016M2	Lò xo uốn ống Ø16 - 750N	40.000
FLXU020M2	Lò xo uốn ống Ø20 - 750N	65.000
FLXU025M2	Lò xo uốn ống Ø25 - 750N	73.000
FLXU032M FLXU032M2	Lò xo uốn ống Ø32 - 750N	107.000

Lò xo uốn ống 320N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016L FLXU016L2	Lò xo uốn ống Ø16 - 320N	40.000
FLXU020L FLXU020L2	Lò xo uốn ống Ø20 - 320N	65.000
FLXU025L FLXU025L2	Lò xo uốn ống Ø25 - 320N	73.000
FLXU032L FLXU032L2	Lò xo uốn ống Ø32 - 320N	107.000

Co nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/bao	4.400
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/bao	7.200
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/bao	11.000

Co nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1,500 cái/thùng	1.400
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.200
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.300
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.500
FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	8.800
FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/bao	11.600

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	6.600
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.200
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	7.700
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	6.600
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.200
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	7.700
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	6.600
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.200
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	7.700
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.000

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	6.600
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.200
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	7.700
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	6.600
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.200
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	7.700
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32 Đóng gói 30 cái/thùng	10.000

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Made in Austria

Phích cắm cao su di động không kín nước (Plug (Splashproof))



F0511 - S

- Rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP44

81.000



F0511 - SR

- Rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP54

* Dự kiến có hàng tháng 03/2020

81.000



F0512 - S

- Solid rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP44, chịu va đập

113.000



F0512 - SR

- Solid rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP54, chịu va đập

* Dự kiến có hàng tháng 03/2020

113.000



F2510 - S

- Rubber connector (Splashproof)
ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP20

82.000



F2510 - SR

- Rubber connector (Splashproof)
ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP20

* Dự kiến có hàng tháng 03/2020

82.000



F1050 - 0B

- Socket outlet (Splashproof IP54)
Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54



F106 - 0

- Mouting box (Splashproof IP44)
- Đế nối cho ổ cắm âm không kín nước

88.000

Ổ cắm chia 3 ngã loại không kín nước (IP44) Mutiple-socket outlet (Splashproof IP44)



F9432006

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.350.000



F9432000

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.170.000



F9430401

Bộ chia ổ cắm PCE
16A 3P 230V

1.000.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67) Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



F61132 - 6

16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.600.000



F61252 - 6

32A - 5P - 400V - 6H - IP67

1.790.000

F75252-6

32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.070.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) Plug (Splashproof IP44)



F013 - 6ECO

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

70.000



F014 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

100.000

F015 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

112.000

F023 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

125.000

F024 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

132.000

F025 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) Connector (Splashproof IP44)



F213 - 6ECO

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

100.000



F214 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

125.000

F215 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

155.000

F223 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

152.000

F224 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

175.000

F225 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

222.000

Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44) Wall socket (Splashproof IP44)



F113 - 6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

135.000

F114 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

165.000

F115 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

175.000

F123 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

187.000

F124 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

197.000

F125 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

211.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (Splashproof IP44)



F313 - 6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

140.000

F314 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

156.000

F315 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

F323 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

175.000

F324 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

180.000

F325 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

207.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



F413 - 6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

157.000

F414 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

185.000



F415 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000

F423 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

245.000

F424 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

270.000

F425 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

295.000

**Phích cắm di động loại kín nước (IP67)
Plug (Watertight IP67)**

	F0132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	265.000
	F0142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	280.000
	F0152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
	F0232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
	F0242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	345.000
	F0252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	365.000
	F033 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	740.000
	F034 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	760.000
	F035 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	785.000
	F043 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.420.000
	F044 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.670.000
	F045 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.910.000
	F0822 - 10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	282.000

**Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)
Connector (Watertight IP67)**

	F2132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
	F2142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	310.000
	F2152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000
	F2232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	400.000
	F2242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	410.000
	F2252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	445.000
	F233 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	890.000
	F234 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	910.000
	F235 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	930.000
	F243 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.950.000
	F244 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.060.000
	F245 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.210.000
	F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	353.000

**Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)
Wall socket (Watertight IP67)**

	F1132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	407.000
	F1142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
	F1152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	515.000
	F1232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	550.000
	F1242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	590.000
	F1252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	625.000
	F133 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	980.000
	F134 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.080.000
	F135 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.180.000
	F143 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.400.000
	F144 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.550.000
	F145 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.700.000

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)**

	F3132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
	F3142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	375.000
	F3152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	400.000
	F3232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
	F3242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	430.000
	F3252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000
	F333 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	590.000
	F334 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
	F335 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
	F343 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.570.000
	F344 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.680.000
	F345 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.780.000

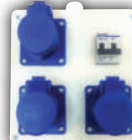
**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)
Flanged socket sloping (Watertight IP67)**

	F4132 - 6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
	F4142 - 6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
	F4152 - 6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	275.000
	F4232 - 6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
	F4252 - 6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000
	F433 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
	F433 - 6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
	F434 - 6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
	F435 - 6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
	F443 - 6	125A - 3P - 400V - 6H - IP66/67	1.520.000
	F444 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.670.000
	F445 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.860.000

**Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước
Container - Plug and Socket (Watertight IP67)**

	F0242 - 3V	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	272.000
	F1242 - 3V	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	795.000
	F2242 - 3V	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	390.000
	F3242 - 3V	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	460.000

Bộ tủ điện phân phối

	NDB313-232	Tủ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm <i>Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng</i>	875.000
	NDB313	Tủ điện phân phối IP44 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	590.000

Có thể sử dụng **HỘP NỐI DÂY** làm để **TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI**

NPA20065V

[*] Tham khảo thêm các loại **HỘP NỐI DÂY** trang 12

nanoco Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)

	NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	240.000
	NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	250.000
	NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	285.000
	NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	300.000
	NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	300.000
	NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	310.000
	NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	355.000
	NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	370.000
	NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	345.000
	NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	360.000
	NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	400.000
	NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	420.000

SHOWROOM MỚI

675 - 677 Điện Biên Phủ, P.25, Q.Bình Thạnh, HCM

Hoạt động từ 01/10/2019

 **19006711**



Zalo



Youtube



Website Nanoco



Website Panasonic



MINERVA

T.1



HALUMIE

T.2



WIDE SERIES

T.3-6



REFINA

T.7-8



FULL-COLOR

T.9



GEN-X

T.10



Ổ CẮM CÓ DÂY/ÂM SÀN
CHUÔNG ĐIỆN

T.11



TỦ ĐIỆN

T.12



HỘP NỐI, HỘP ẨM

T.13



CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

T.14



CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN

T.15



MCCB / ELB / HB

T.16



QUẠT HÚT

T.17-18



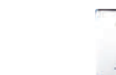
QUẠT TRẦN

T.19-20



QUẠT ĐIỆN

T.21-22



MÁY LỌC
KHÔNG KHÍ

T.23



LED DOWNLIGHT

T.24-26 & 36-37



ĐÈN TRẦN LED

T.27-30



ĐÈN TREO BÀN ĂN

T.30-31



ĐÈN TRANG TRÍ/
ĐÈN TƯỜNG

T.32



ĐÈN BÀN
LED

T.33-34



ĐÈN PHA FLOOD LIGHT/
LED ỐP TRẦN/ LED DÂY

T.35-39



MĂNG ĐÈN/
BÓNG ĐÈN LED T8

T.40



ĐÈN TRANG TRÍ
NGOÀI TRỜI LED

T.41-44



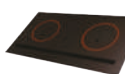
MÁY BƠM

T.45-46



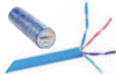
MÁY NƯỚC NÓNG

T.47-48



BẾP ĐIỆN TỬ

T.49



DÂY CÁP/
BẢNG KEO CÁCH ĐIỆN

T.50



ỐNG THẲNG & ỐNG MỀM
PHỤ KIỆN

T.51-52



PCE

T.53-54